

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO NĂM 2013

### I. Thông tin chung

#### I.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Hacisco
- Tên tiếng anh : Hacisco Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0101116096
- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ : 51 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại : 04.38585684
- Số fax : 04.30585563
- Website : [www.has.vn](http://www.has.vn)
- Mã cổ phiếu : HAS
- Lôgô:



#### I.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Hacisco tiền thân là một đội xây dựng của Bưu điện Hà Nội với tên gọi là Đội công trình, được giao nhiệm vụ lắp đặt cáp viễn thông, sửa chữa và vận hành máy móc thông tin trực thuộc Bưu điện Hà Nội.

Năm 1979, Đội công trình được đổi tên thành Công ty Xây dựng Bưu điện Hà Nội và được tổ chức thành 3 đội chuyên trách bao gồm đội cáp, đội dây máy và đội xây dựng. Sau khi được đổi tên, Công ty bắt đầu thực hiện thêm chức năng xây dựng và từng bước phát triển chuyên môn trong lĩnh vực xây lắp Bưu chính viễn thông.

Ngày 18/12/1996, Công ty Xây lắp Bưu điện Hà Nội được chính thức thành lập theo Quyết định số 4351/QĐ-TCCB của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam thay thế cho Công ty Xây dựng Bưu điện Hà Nội. Bắt đầu từ thời điểm này, Công ty trở thành một trong 15 thành viên chính thức của Bưu Điện Hà Nội, hạch toán kinh tế phụ thuộc. Đây là một bước ngoặt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty, phù hợp với sự phát triển của ngành Bưu chính viễn thông Việt Nam và tạo điều kiện cho Công ty tham gia đấu thầu các công trình xây lắp bưu chính viễn thông lớn.

Năm 2000, Công ty Xây lắp Bưu điện Hà Nội đã được cổ phần hóa và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội (Hacisco) kể từ ngày 01/07/2000 theo Quyết định số 950/QĐ-TCBD ngày 13/10/2000 của Tổng cục Bưu điện.

Hacisco là Công ty đầu tiên thuộc khối xây lắp của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt

Nam được cổ phần hóa. Ngày 28/11/2002, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy phép phát hành chứng khoán ra công chúng (Giấy phép số 23/GPPH) cho Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội (Hacisco) với mã giao dịch HAS. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam hiện là đại diện vốn tại Hacisco với 27,63% cổ phần.

Là một trong những đơn vị thi công xây lắp có quy mô hoạt động lớn trong ngành bưu chính viễn thông, Hacisco đã giành được tín nhiệm của các đơn vị trong và ngoài ngành, đặt biệt là từ sau khi chuyển đổi sở hữu. Từ phạm vi hoạt động và phạm vi khách hàng chủ yếu tại khu vực Hà Nội, Hacisco đã vươn ra cung cấp dịch vụ cho các đơn vị tại các tỉnh, thành phố của cả nước. Nhiều công trình được các Chủ đầu tư đánh giá rất cao nhờ vào chất lượng, thời gian thi công và phương thức phục vụ khách hàng.

Ngày 10/5/2011, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Công ty đã thông qua Nghị quyết ĐHCĐ để chính thức đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hacisco. Ngày 01/09/2011 Chủ tịch HĐQT Công ty đã ký Quyết định số 209/QĐ-HAS đổi tên Công ty Cổ phần xây lắp Bưu điện Hà Nội thành Công ty Cổ phần HACISCO. Việc đổi tên này giúp Công ty không bị bó hẹp ngành nghề chính là xây lắp bưu chính viễn thông nhưng vẫn giữ được truyền thống và những giá trị lịch sử của Công ty.

Hiện nay HACISCO đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, điều này thể hiện tính chuyên nghiệp ngày càng tăng của Công ty cổ phần HACISCO.

### **I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần HACISCO được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần.

Sau Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị là cơ quan cao nhất của Công ty, Tiếp theo là Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát có chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị. Ban Tổng giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty bao gồm Các phòng, ban chức năng, Các Xí nghiệp, Chủ nhiệm công trình.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- + Ban Giám đốc điều hành
- + Phòng Tổ chức Hành chính
- + Phòng Kế hoạch kỹ thuật
- + Phòng Tài chính Kế toán
- + Xí nghiệp Xây lắp bưu chính viễn thông Phía Nam
- + Xí nghiệp xây lắp bưu chính Viễn thông số 1
- + Xí nghiệp xây lắp bưu chính Viễn thông số 2
- + Xí nghiệp Thiết kế
- + Xí nghiệp số 8
- + Các Chủ nhiệm công trình

### **I.4. Định hướng phát triển**

- Xây dựng và phát triển Công ty thành một trong những đơn vị chủ lực trong ngành xây lắp Bưu chính Viễn thông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Củng cố và giữ vững các thị trường truyền thống là các Viễn thông tỉnh thành, đặc biệt là các đơn vị lớn của VNPT như: Viễn thông Hà nội, Viễn thông TP HCM, Công ty thông tin di động Mobiphone, Vinaphone, Công ty viễn thông liên tỉnh (VTN),... Tích cực quan hệ với các đối tác ngoài VNPT như: Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel, Tập đoàn Điện lực Việt Nam để tạo thêm việc làm. Mở rộng và phát triển sang các lĩnh vực khác liên quan đến ngành nghề cốt lõi như: xây lắp dân dụng, giao thông, thủy lợi,... Bám sát các thị trường tiềm năng, có nguồn công việc lớn ...

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Trong các năm qua Công ty đã thường xuyên tổ chức, tham gia thực hiện công tác an sinh xã hội. Trực tiếp tham gia công tác “ hỗ trợ đồng bào Miền Trung lũ lụt”, thăm hỏi gia đình “ Thương binh liệt sỹ”. Khen thưởng các cháu có thành tích cao trong học tập... Đây là những Công tác xã hội được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm.

### I.5. Các rủi ro

Hiện nay kế hoạch đầu tư của tập đoàn Bru chính Viễn thông bị thu hẹp, thị trường không có nhiều do các tỉnh thành không có công trình mới. Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp xây lắp cùng ngành nghề kinh doanh nhiều nên sự cạnh tranh rất khốc liệt. Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Trước khó khăn trên, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tìm mọi biện pháp tháo gỡ, vượt qua khủng hoảng để vực Công ty đi lên. Hiện nay ngành nghề truyền thống là xây lắp các công trình Bru chính Viễn thông, Công ty cũng đang hướng mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh sang một số các lĩnh vực khác như xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi,...

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ TH 2013/ KH 2013	Tỷ lệ TH 2012/ TH 2011
1	Doanh thu	136.7	87	87.9	101%	64.37%
2	LN trước thuế TNDN	6.5		4.46		68.7%
3	Lợi nhuận sau thuế	4.95	3.5	3.502	100%	70.7%
4	Lãi cổ tức		3-5%			

#### a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tổng doanh thu năm 2013 đạt 87.9 tỷ đồng, bằng 101% so với kế hoạch năm, giảm 35.63% so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế đạt 4.46 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 3.502 tỷ đồng, đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 đề ra, trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 83.010 tỷ đồng, chi phí 76.461 tỷ đồng, lợi nhuận: 6.548 tỷ đồng; trong đó

+ Doanh thu hợp đồng xây lắp: 73.503 tỷ đồng, tăng 93% so với doanh thu hợp đồng xây dựng năm 2012 (Doanh thu hợp đồng xây dựng năm 2012 đạt 37.27 tỷ đồng), chiếm 88.55% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Giá vốn của hợp đồng xây dựng: 68.532 tỷ đồng. Lợi nhuận đạt: 4.971 tỷ đồng.

+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm: 3.849 tỷ đồng, chiếm 4.63% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Giá vốn của hàng hóa: 3.592 tỷ đồng. Lợi nhuận đạt 257 triệu đồng.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ (tư vấn thiết kế, cho thuê văn phòng, đất và dịch vụ đi kèm): 5.656 tỷ đồng, chiếm 6.81% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp: 4.335 tỷ đồng. Lợi nhuận đạt 1.321 tỷ đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính: 4.941 tỷ đồng, trong đó:

+ Lãi tiền gửi, tiền cho vay: 2.966 tỷ đồng.

+ Lãi do bán chứng khoán: 0.41 tỷ đồng

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia: 1.564 tỷ đồng

- Chi phí hoạt động tài chính: 0.195 tỷ đồng. Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt: 4.746 tỷ đồng.

+ Thu nhập khác: 46 triệu đồng, chi phí khác 929 triệu đồng, lợi nhuận giảm 883 triệu đồng.

**b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Năm 2013 là một năm vẫn còn nhiều khó khăn với Công ty, đặc biệt là với các công ty xây lắp viễn thông. Số lượng dự án xây lắp viễn thông cũng như định mức bị cắt giảm nhiều. Tuy nhiên, để tạo thêm nguồn công việc nhằm đảm bảo, duy trì, ổn định bộ máy Công ty trong giai đoạn khó khăn, ngoài các dự án của VNPT, Công ty đã chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm thị trường, tham gia nhiều dự án cho các đơn vị ngoài ngành như xây lắp hạ tầng viễn thông cho Công ty mạng lưới Viettel, xây lắp hạ tầng mạng công việc liên quan đến điện lực, triển khai hệ thống hạ tầng viễn thông các khu đô thị Parkcity, Gamuda,... Một số gói thầu giá trị lớn khi tham gia thầu để đảm bảo có việc làm Công ty phải giảm giá rất cao, sát với giá trực tiếp thi công vì vậy hiệu quả những công trình này thấp.

Hoạt động đầu tư tài chính năm 2013 của Công ty mang lại hiệu quả tốt. Ngoài lợi nhuận từ tiền gửi tiết kiệm, bán cổ phiếu, việc đầu tư vốn góp vào các công ty hoạt động có hiệu quả mang lại nguồn lợi nhuận được chia lớn (Đặc biệt là từ Công ty Cổ phần chuyển phát nhanh Bưu điện).

Với nỗ lực trong việc tăng cường doanh thu và lợi nhuận từ các lĩnh vực sản xuất chính, trong năm 2013 Công ty vẫn phải bù lỗ cho một số các hoạt động, chủ yếu như:

- Các công trình đưa doanh thu từ những năm trước, Quyết toán được phê duyệt bị cắt giảm doanh thu, hạch toán bổ sung chi phí dẫn đến lỗ khoảng 370 triệu đồng, trong đó: Xí nghiệp XLBCVT số 1 lỗ: 338 triệu đồng, Xí nghiệp XLBCVT Phía Nam lỗ 14 triệu đồng, Xí nghiệp Thiết kế lỗ 18 triệu đồng.

- Chi phí tài chính trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán: 193 triệu đồng.

- Chi phí thanh lý toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội: 800 triệu đồng.

**II.2. Tổ chức và nhân sự**

**a) Danh sách Ban điều hành:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (cổ phần)	Số lượng cổ phần đại diện vốn (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu
1	Đình Tiến Vịnh	Tổng Giám đốc-Phó Chủ tịch HĐQT	14.036	600.000	7,68%
2	Phạm Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc-Ủy viên HĐQT	36.586		0,46%
3	Đỗ Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	10.900		0,14%
4	Trần Thị Thu Nhạn	Kế toán trưởng	600		0,01%

**(1) Đình Tiến Vịnh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc:**

Họ tên : Đình Tiến Vịnh  
 Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hacisco  
 Giới tính : Nam  
 Ngày, tháng, năm sinh : 09/9/1975  
 Nơi sinh : huyện Phú Xuyên, Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh

CMTND/ Hộ chiếu số : 111403936 do Công an Hà Nội cấp ngày 07/4/2010  
 Quê quán : xã Văn Hoàng, huyện Phú Xuyên, Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú : Số 86 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế, Kỹ sư Điện tử Viễn thông, Cử nhân Tin học.  
 Trình độ chính trị : Cao cấp lý luận chính trị

**Quá trình công tác:**

- Từ 9/1997 - 11/2002 : Kỹ sư - Công ty Xây lắp Bưu điện Hà Nội
- Từ 12/2002 - 7/2003 : Chủ nhiệm công trình Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội
- Từ 8/2003 - 9/2006 : Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp BCVT số 2 – Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội
- Từ 10/2006 - 4/2010 : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội
- Từ 4/2007 - 4/2010 : Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội
- Từ 5/2010 - 4/2011 : Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội
- Từ 5/2011 đến nay : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Công ty CP Xây lắp Bưu điện HN (nay là Công ty Cổ phần Hacisco)

Số cổ phần nắm giữ:

- + Cá nhân : 14.036.
- + Đại diện vốn nhà nước : 600.000CP.

**(2) Phạm Đức Hạnh - Ủy Viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc:**

Họ và tên : Phạm Đức Hạnh  
 Chức vụ hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc  
 Giới tính : Nam  
 Sinh ngày : 22/11/1966  
 Nơi sinh : xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 CMTND : 011426633 do CA Hà Nội cấp ngày 16/12/1997  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử Viễn thông.  
 Trình độ chính trị : Cao cấp chính trị

**Quá trình công tác:**

- Từ 7/1987 - 11/1991 : Công nhân Công ty Xây dựng Bưu điện HN
- Từ 12/1991 - 12/1996 : Đội phó Đội 3 Công ty Xây dựng Bưu điện HN

- Từ 01/1997- 5/1997

- Từ 6/1997 - 2/2000

- Từ 3/2000 - 12/2000

- Từ 01/2001 - 02/2006

- Từ 3/2006 đến nay

Số cổ phần nắm giữ

**(3) Phó Tổng Giám đốc Đỗ Văn Tiến:**

Họ và tên

: Đỗ Văn Tiến

Chức vụ hiện tại

: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hacisco

Giới tính

: Nam

Ngày sinh

: 27/2/1972

Nơi sinh

: xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Quốc tịch

: Việt nam

Dân tộc

: Kinh

CMTND

: 011916780 do CA Hà Nội cấp ngày 25/6/1999

Quê quán

: xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú

: xóm Tháp, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ văn hoá

: 12/12

Trình độ chuyên môn

: Cử nhân Tin học

Trình độ chính trị

: Cao cấp chính trị

***Quá trình công tác:***

- Từ 01/1999 - 8/2000

: Cử nhân - Công ty Xây lắp Bưu Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Hacisco)

- Từ 9/2003 - 5/2005

: Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp BCVT số 2 Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội

- Từ 6/2005 - 01/2009

: Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp BCVT số 4 – Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội

- Từ 02/2009 đến nay

: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hacisco

Số cổ phần nắm giữ

: 10.900 CP

**(4) Trần Thị Thu Nhận - Kế toán trưởng:**

Họ và tên

: Trần Thị Thu Nhận

Giới tính

: Nữ

Ngày sinh

: 08/03/1973

Nơi sinh

: Thái Nguyên

Quốc tịch

: Việt nam

Dân tộc

: Kinh

CMTND

: 013568152 do CA Hà Nội cấp ngày 16/6/2012

Quê quán

: xã An Vỹ, huyện Châu Giang, Hải Dương

Địa chỉ thường trú : Số 77, tổ 26B, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Trình độ chính trị : Sơ cấp

***Quá trình công tác:***

- Từ 9/1997 - 3/2003 : Chuyên viên Bưu điện Tỉnh Bắc Kạn

- Từ 4/2003 - 7/2011 : Chuyên viên Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Hacisco)

- Từ 8/2011 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hacisco

Số cổ phần nắm giữ : 600 CP

- **Những thay đổi trong Ban điều hành:** không

- **Số lượng Cán bộ công nhân viên và tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

+ Số lượng CBCNV: 103 người

+ Tóm tắt chính sách:

. CBCNV được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo thang bảng lương của Nhà nước.

. CBCNV được Công ty mua bảo hiểm thân thể hàng năm;

. Có quy chế về chi tiêu hiếu, hỷ, ốm đau, sinh đẻ, trợ cấp khó khăn cho CBCNV;

. Có thỏa ước lao động tập thể được ký kết giữa toàn thể CBCNV trong Công ty và Ban lãnh đạo Công ty.

. Có quy chế dân chủ.

**II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- Các khoản đầu tư lớn trong năm: không có

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

**II.4. Tình hình tài chính**

***a) Tình hình tài chính:***

TT	Chỉ tiêu đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng	Năm 2012	Năm 2013	Tỷ lệ % 2013/2012
1	Tổng giá trị tài sản	206.083.346.161	236.758.447.964	115%
2	Doanh thu thuần	136.769.169.728	87.998.027.870	64.34%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.016.084.876	5.351.096.061	265%
4	Lợi nhuận khác	4.490.197.869	-882.680.648	-19.66%
5	Lợi nhuận trước thuế	6.506.282.745	4.468.415.413	68.68%
6	Lợi nhuận sau thuế	4.953.117.595	3.502.557.294	70.7%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		3-5% (dự kiến)	

Các chỉ tiêu khác:

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	3.23	2.54	
	+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	3.07	2.45	
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.265	0.346	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.361	0.529	
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	13.45	10.47	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.62	0.37	
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.033	0.0398	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.033	0.0226	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.024	0.0148	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.016	0.0608	

**c) Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Cổ phần: Tổng số cổ phần: 8 triệu; trong đó :

- + Cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.790.000 CP
- + Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 2.210.000 CP (Tập đoàn BCVT VN)

- Cơ cấu cổ đông:

+ Theo tỷ lệ sở hữu :

- \* Cổ đông lớn (sở hữu >400.000CP) : 02 cổ đông
- \* Cổ đông nhỏ (sở hữu <400.000CP) : 1.975 cổ đông

+Theo cổ đông tổ chức, cá nhân:

- \* Cổ đông tổ chức : 55 cổ đông
- \* Cổ đông cá nhân : 1.922 cổ đông

+ Theo cổ đông trong nước, nước ngoài :

- \* Cổ đông trong nước : 1.815 cổ đông
- \* Cổ đông nước ngoài : 162 cổ đông

+ Theo cổ đông nhà nước, cổ đông khác :

- \* Cổ đông nhà nước : 01 cổ đông
- \* Cổ đông khác : 1.976 cổ đông

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

- Các chứng khoán khác: không có.



### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong năm, chính sách tài khóa tiếp tục thắt chặt, Chính phủ giảm chi tiêu công do đó các dự án có vốn ngân sách bị cắt giảm, chưa có nguồn vốn rõ ràng hoặc chưa thể bố trí được nguồn vốn kịp thời. Nhiều dự án đầu tư trong năm 2013 bị các Chủ đầu tư dừng, dẫn hoặc hoãn thi công. Tập đoàn Bưu Chính Viễn thông cắt giảm lớn về đầu tư xây dựng cơ bản, số lượng dự án xây lắp viễn thông cũng như định mức bị cắt giảm lớn. Mặt khác, nhiều dự án xây lắp triển khai trong năm không kết thúc được dự án theo kế hoạch đề ra do Chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn kịp thời, tiến độ cấp vật tư chậm do chưa có vốn,... Đây cũng chính là nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD năm 2013.

Nhận thức được những khó khăn, thách thức Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV đã cố gắng quyết tâm để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

#### ***Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:***

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ TH 2013/KH 2013	Tỷ lệ TH 2013 /TH 2012
1	Doanh thu	136.7	87	87.9	101%	64.37%
2	Lợi nhuận sau thuế	4.95	3.5	3.502	100%	68.68%
3	Lãi cổ tức		3-5%	3-5% (dự kiến)		70.7%

#### ***Ban điều hành Công ty định hướng cụ thể như sau:***

##### **- Công tác phát triển thị trường:**

+ Ban lãnh đạo Công ty đã phân tích đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí Phó Tổng Giám đốc đến các Giám đốc xí nghiệp việc phát triển thị trường.

+ Cùng cố và giữ vững các thị trường truyền thống là các VNPT tỉnh thành, đặc biệt là các đơn vị lớn của VNPT như: Viễn thông Hà Nội, Viễn thông TP HCM, Công ty viễn thông liên tỉnh (VTN), Công ty thông tin di động Mobiphone, Vinaphone,....

+ Tích cực triển khai mảng thiết bị trong ngành và tiến tới là thương mại ngoài ngành để tích lũy kinh nghiệm. Nếu đánh giá thấy hiệu quả sẽ định hướng là một trong những ngành nghề kinh doanh mũi nhọn. Phát triển kinh doanh về các giải pháp và sản phẩm công nghệ thông tin, viễn thông. Phát triển mối quan hệ với các đối tác trong ngành VNPT-G, là đơn vị thành viên trực thuộc Mobiphone, các đơn vị cung cấp lâu năm các sản phẩm cho Viễn thông Hà Nội như: VDT, NDC,... Đây là lĩnh vực mới nên Công ty xem xét cẩn trọng để có thể vừa có thể tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, vừa bảo toàn vốn.

+ Tập trung tiếp cận mảng công việc xây lắp điện lực do Tổng Công ty Điện lực Hà Nội và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc làm chủ đầu tư. Tiếp cận dự án của UBND Quận, huyện các tỉnh thành, đặc biệt là TP Hà Nội.

+ Tiếp tục bám sát các dự án Nông nghiệp thủy lợi và tu bổ sửa chữa đê điều do Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn làm chủ đầu tư. Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung tiếp cận những mảng công việc liên quan đến cải tạo hè, đường, các dự án chỉnh trang đô thị,...

+ Triển khai xây lắp ngoài ngành như Viettel, FPT,... Tuy nhiên, đây là những dự án có tính rủi ro cao vì thời gian thu hồi vốn lâu, thủ tục tạm ứng, thanh toán các công trình khó khăn và kéo dài.

### **- Công tác quản lý:**

+ Sửa đổi bổ sung xong quy chế nội bộ để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, thực hiện năm 2013.

+ Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính mới để thực hiện năm 2014.

+ Phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc, gắn quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc ngoài việc phân công nhiệm vụ cụ thể có trách nhiệm tìm kiếm công việc cho các đơn vị trong Công ty.

+ Tăng cường công tác quản trị nhất là quản trị tài chính để đảm bảo không bị mất vốn và tăng cường công tác quản lý của phòng ban chức năng đối với các đơn vị sản xuất. Giảm tối đa chi phí quản lý doanh nghiệp để đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

+ Tiếp tục tái cấu trúc, hợp lý hóa bộ máy điều hành và sản xuất của Công ty. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm và hiệu quả làm việc của cán bộ công nhân viên.

+ Đào tạo đội ngũ lao động hiện có để tích lũy kinh nghiệm, đáp ứng và theo kịp các lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty.

+ Tăng cường công tác thu hồi công nợ khách hàng. Cố gắng giải quyết dứt điểm các công nợ tồn đọng lâu và khó đòi. Đẩy nhanh tiến độ công tác thu hồi công nợ nội bộ. Hiện nay, cơ quan chức năng đang vào cuộc giúp đỡ Công ty trong việc thu hồi công nợ của một số đối tượng không còn làm việc ở Công ty.

### **III.2. Tình hình tài chính**

<b>TT</b>	<b>Chỉ số tài chính</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>
1	Hiệu quả sử dụng TSLĐ (Doanh thu thuần/Tài sản lưu động bình quân) (%)	77.0	43
2	Hiệu quả sử dụng TSCĐ (Doanh thu thuần/GTCL Tài sản cố định bình quân) (%)	1,603.12	2,995
3	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản(%)	3.2	1.89
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(%)	2.4	1.48
5	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn(%)	26.5	34.61
6	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn(%)	73.5	65.39
7	Nợ phải thu/Tổng doanh thu (%)	84.5	172.48
8	Nợ phải thu/Tổng tài sản (%)	56.08	64.11

### **III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Sửa đổi bổ sung xong quy chế nội bộ để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, thực hiện năm 2013.

- Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính mới để thực hiện năm 2014.

- Phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc, gắn quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc ngoài việc phân công nhiệm vụ cụ thể có trách nhiệm tìm kiếm công việc cho các đơn vị trong Công ty.

- Tăng cường công tác quản trị nhất là quản trị tài chính để đảm bảo không bị mất vốn và tăng cường công tác quản lý của phòng ban chức năng đối với các đơn vị sản xuất. Giảm tối đa chi phí quản lý doanh nghiệp để đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Tiếp tục tái cấu trúc, hợp lý hóa bộ máy điều hành và sản xuất của Công ty. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm và hiệu quả làm việc của cán bộ công nhân viên.

- Đào tạo đội ngũ lao động hiện có để tích lũy kinh nghiệm, đáp ứng và theo kịp các lĩnh vực

kinh doanh mới của Công ty.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ khách hàng. Cố gắng giải quyết dứt điểm các công nợ tồn đọng lâu và khó đòi. Đẩy nhanh tiến độ công tác thu hồi công nợ nội bộ. Hiện nay, cơ quan chức năng đang vào cuộc giúp đỡ Công ty trong việc thu hồi công nợ của một số đối tượng không còn làm việc ở Công ty.

#### **III.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Ban lãnh đạo Công ty đã phân tích đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí Phó Tổng Giám đốc đến các Giám đốc xí nghiệp việc phát triển thị trường.

- Cùng cố và giữ vững các thị trường truyền thống là các VNPT tỉnh thành, đặc biệt là các đơn vị lớn của VNPT như: Viễn thông Hà Nội, Viễn thông TP HCM, Công ty viễn thông liên tỉnh (VTN), Công ty thông tin di động Mobiphone, Vinaphone,....

- Tích cực triển khai mảng thiết bị trong ngành và tiến tới là thương mại ngoài ngành để tích lũy kinh nghiệm. Nếu đánh giá thấy hiệu quả sẽ định hướng là một trong những ngành nghề kinh doanh mũi nhọn. Phát triển kinh doanh về các giải pháp và sản phẩm công nghệ thông tin, viễn thông. Phát triển mối quan hệ với các đối tác trong ngành VNPT-G, là đơn vị thành viên trực thuộc Mobiphone, các đơn vị cung cấp lâu năm các sản phẩm cho Viễn thông Hà Nội như: VDT, NDC,... Đây là lĩnh vực mới nên Công ty xem xét cẩn trọng để có thể vừa có thể tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, vừa bảo toàn vốn.

- Tập trung tiếp cận mảng công việc xây lắp điện lực do Tổng Công ty Điện lực Hà Nội và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc làm chủ đầu tư. Tiếp cận dự án của UBND Quận, huyện các tỉnh thành, đặc biệt là TP Hà Nội.

- Tiếp tục bám sát các dự án Nông nghiệp thủy lợi và tu bổ sửa chữa đê điều do Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn làm chủ đầu tư. Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung tiếp cận những mảng công việc liên quan đến cải tạo hè, đường, các dự án chỉnh trang đô thị,...

- Triển khai xây lắp ngoài ngành như Viettel, FPT,... Tuy nhiên, đây là những dự án có tính rủi ro cao vì thời gian thu hồi vốn lâu, thủ tục tạm ứng, thanh toán các công trình khó khăn và kéo dài.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty**

##### **IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Mặc dù năm 2013 có rất nhiều khó khăn và thách thức trong nền kinh tế nói chung và trong lĩnh vực hoạt động truyền thống của HACISCO nói riêng Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty đã cùng với CBCNV trong Công ty quyết tâm triển khai phần đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 24/5/2013:

- Chỉ tiêu doanh thu:	87.000.000.000 đồng
- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế :	3.500.000.000 đồng
- Chỉ tiêu cổ tức:	3-5% (dự kiến)

Kết quả đạt được:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện 2013	Tỉ lệ so với NQ
1	Tổng doanh thu	87 tỷ đồng	87.9 tỷ đồng	101%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.5 tỷ đồng	3.502 tỷ đồng	100%
3	Cổ tức	3-5%		

*Kết quả đạt được về doanh thu là 87.9 tỷ đạt 101% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận là 3.502 tỷ đạt được 100% so với mục tiêu của Đại hội Cổ đông.*

#### **IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai quyết liệt trên các lĩnh vực đầu tư, tổ chức sản xuất kinh doanh, quản trị Công ty trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng thấp; yêu cầu kiểm chế lạm phát ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Cùng cố và giữ vững các thị trường truyền thống là các VNPT tỉnh thành, đặc biệt là các đơn vị lớn của VNPT như: Viễn thông Hà Nội, Viễn thông TP HCM, Công ty viễn thông liên tỉnh (VTN), Công ty thông tin di động Mobiphone, Vinaphone,....

- Tích cực triển khai mảng thiết bị trong ngành và tiến tới là thương mại ngoài ngành để tích lũy kinh nghiệm. Nếu đánh giá thấy hiệu quả sẽ định hướng là một trong những ngành nghề kinh doanh mũi nhọn. Phát triển kinh doanh về các giải pháp và sản phẩm công nghệ thông tin, viễn thông. Phát triển mối quan hệ với các đối tác trong ngành VNPT-G, là đơn vị thành viên trực thuộc Mobiphone, các đơn vị cung cấp lâu năm các sản phẩm cho Viễn thông Hà Nội như: VDT, NDC,... Đây là lĩnh vực mới nên Công ty xem xét cẩn trọng để có thể vừa có thể tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, vừa bảo toàn vốn.

- Tập trung tiếp cận mảng công việc xây lắp điện lực do Tổng Công ty Điện lực Hà Nội và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc làm chủ đầu tư. Tiếp cận dự án của UBND Quận, huyện các tỉnh thành, đặc biệt là TP Hà Nội.

- Tiếp tục bám sát các dự án Nông nghiệp thủy lợi và tu bổ sửa chữa đê điều do Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn làm chủ đầu tư. Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung tiếp cận những mảng công việc liên quan đến cải tạo hè, đường, các dự án chỉnh trang đô thị,...

- Đánh giá lại nguồn nhân lực, quyết tâm đổi mới, tái cấu trúc hoạt động của công ty phù hợp với các định hướng trong giai đoạn 2011-2016. Phát huy năng lực của người lao động trong công ty, từng bước ổn định tâm lý cho người lao động, tăng cường đoàn kết nội bộ. Triển khai đào tạo nguồn nhân lực chuẩn bị lực lượng cho ngành nghề mới.

- Triển khai gọn các công trình đang thi công dở dang để đảm bảo chất lượng công trình, giữ vững uy tín của công ty, từ đó giữ vững thị trường truyền thống đồng thời tạo điều kiện thanh quyết toán nhanh, thu hồi được vốn đảm bảo cho sản xuất kinh doanh.

- Đối chiếu công nợ (nợ phải thu khách hàng cũng như nợ nội bộ), tích cực thu hồi triệt để nợ quá hạn để làm lành mạnh công tác kế toán tài chính.

#### **IV.3. Tóm tắt kết quả hoạt động của HĐQT**

- Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 và năm 2013, từng thành viên trong HĐQT đã phát huy vai trò của mình, đóng góp bằng cụ thể bằng các ý kiến xây dựng, cũng như các ý kiến mang tính phản biện, chất vấn đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc. Ngoài ra HĐQT đã trực tiếp cùng Ban Tổng giám đốc điều hành giải quyết các tồn tại về thanh quyết toán công trình cũng như tích cực tham gia mở rộng thị trường cho công ty.

- Chủ tịch HĐQT đã triệu tập 06 (sáu) cuộc họp định kỳ với các thành viên trong Hội đồng quản trị, các thành viên trong Ban Kiểm soát và mở rộng đến lãnh đạo một số Phòng chức năng, nghiệp vụ, nghe giải trình của Ban Tổng giám đốc về công tác điều hành SXKD năm 2013 và tình hình quản trị Công ty để đề ra các giải pháp thực hiện, tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty. HĐQT công ty đã tổ chức 06 cuộc họp và ban hành 06 Nghị quyết.

#### **IV.4. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị**

- Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới đang trong giai đoạn suy thoái, tình hình kinh tế Việt Nam đang gặp khó khăn trong việc kiểm chế lạm phát, các công trình xây lắp công trình thông tin mạng cố định đang ngày càng suy giảm và lợi nhuận mang lại rất thấp, Công ty cần phải tìm ra hướng đi mới, các lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả cao, nhưng đồng thời phải đảm bảo việc bảo toàn vốn cho công ty. Để thực hiện được mục tiêu này HĐQT chủ trương định hướng phát triển công ty năm 2014 chú trọng vào phát triển các mảng chính sau:

- Thương mại vật tư thiết bị viễn thông.

- Cung cấp các dịch vụ viễn thông.

- Củng cố và giữ vững các thị trường truyền thống là các VNPT tỉnh thành, đặc biệt là các đơn vị lớn của VNPT như: Viễn thông Hà Nội, Viễn thông TP HCM, Công ty viễn thông liên tỉnh (VTN), Công ty thông tin di động Mobiphone, Vinaphone,....

- Tích cực triển khai mảng thiết bị trong ngành và tiến tới là thương mại ngoài ngành để tích lũy kinh nghiệm. Nếu đánh giá thấy hiệu quả sẽ định hướng là một trong những ngành nghề kinh doanh mũi nhọn. Phát triển kinh doanh về các giải pháp và sản phẩm công nghệ thông tin, viễn thông. Phát triển mối quan hệ với các đối tác trong ngành VNPT-G, là đơn vị thành viên trực thuộc Mobiphone, các đơn vị cung cấp lâu năm các sản phẩm cho Viễn thông Hà Nội như: VDT, NDC,... Đây là lĩnh vực mới nên Công ty xem xét cân trọng để có thể vừa có thể tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, vừa bảo toàn vốn.

- Tập trung tiếp cận mảng công việc xây lắp điện lực do Tổng Công ty Điện lực Hà Nội và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc làm chủ đầu tư. Tiếp cận dự án của UBND Quận, huyện các tỉnh thành, đặc biệt là TP Hà Nội.

- Tiếp tục bám sát các dự án Nông nghiệp thủy lợi và tu bổ sửa chữa đê điều do Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn làm chủ đầu tư. Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung tiếp cận những mảng công việc liên quan đến cải tạo hệ, đường, các dự án chỉnh trang đô thị,...

- Làm việc quyết liệt với các đơn vị và cá nhân về vấn đề thu hồi công nợ và thanh toán nội bộ.

## V. Quản trị công ty

### V.1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: Ngày 24/05/2013 ông Tô Dũng Thái bắt đầu tham gia là thành viên HĐQT, thay thế ông Huỳnh Song Trà xin rút thành viên HĐQT.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (cổ phần)	Số lượng cổ phần đại diện vốn (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tô Dũng Thái	Chủ tịch HĐQT	0	610.000	7.63%
2	Đình Tiến Vịnh	Phó Chủ tịch HĐQT	14.036	600.000	7.68%
3	Phạm Đức Hạnh	Ủy viên HĐQT	36.586		0.46%
4	Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên HĐQT	10.000	800.000	10.13%
5	Trần Tùng Lâm	Ủy viên HĐQT	3		0.00004%

Hội đồng quản trị là cơ quan cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 người trong đó:

- Thành viên trực tiếp điều hành gồm 02 người:

+ Ông Đình Tiến Vịnh: Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

+ Phạm Đức Hạnh: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

- Thành viên không trực tiếp điều hành:

+ Ông Tô Dũng Thái: Chủ tịch HĐQT

+ Ông Trần Tùng Lâm - Ủy viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Quốc Cường - Ủy viên HĐQT.

#### (1) Tô Dũng Thái: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : Tô Dũng Thái

Năm sinh : 1967  
 Giới tính : Nam  
 Số CMTND : 011951566 do CA Hà Nội cấp ngày 26/01/2010  
 Hộ khẩu thường trú : T3-21 KĐT Nam Thăng Long, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, HN  
 Chỗ ở hiện tại : T3-21 KĐT Nam Thăng Long, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, HN  
 Chức vụ hiện nay : Giám đốc Viễn thông Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kỹ thuật thông tin, thạc sỹ Điện tử viễn thông, Mini MBA Quản trị kinh doanh  
 Trình độ chính trị : cao cấp lý luận chính trị

***Quá trình công tác:***

Từ 12/1992-02/2000 : Kỹ sư thông tin, Trung tâm chuyển mạch – Truyền dẫn, Công ty Điện thoại Hà Nội, BĐ TP Hà Nội  
 Từ 02/2000-02/2002 : Phó trung tâm chuyển mạch – truyền dẫn, Công ty Điện thoại HN, BĐ TP Hà Nội  
 Từ 02/2002-6/2002 : Phó phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Điện thoại HN, Bưu điện TP Hà Nội  
 Từ 7/2002-02/2003 : Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Điện thoại HN, Bưu điện TP Hà Nội  
 Từ 3/2003-4/2004 : Phó Giám đốc Công ty Điện thoại Hà Nội 2, Bưu điện TP HN  
 Từ 5/2004-9/2004 : Quyền Giám đốc Trung tâm điều hành thông tin, Bưu điện TP HN  
 Từ 10/2004-5/2007 : Giám đốc Trung tâm điều hành thông tin, BĐ TP HN  
 Từ 5/2007-12/2007 : Giám đốc BQLCDA Công trình thông tin, BĐ TP HN  
 Từ 01/2008-17/12/2012 : Giám đốc BQLCDA Công trình thông tin, Viễn thông HN  
 Từ 18/12/2012-7/10/2013 : Phó Giám đốc Viễn thông HN  
 Từ 8/10/2013- nay : Giám đốc Viễn thông HN  
 Số cổ phần nắm giữ : 610.000 cổ phần  
 Trong đó: + Đại diện sở hữu : 610.000 cổ phần  
           + Cá nhân sở hữu : không

**(2) Đinh Tiến Vịnh: Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc**

Tóm tắt lý lịch: như trên (Phần ban điều hành)

**(3) Phạm Đức Hạnh: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc**

Tóm tắt lý lịch: như trên (Phần ban điều hành)

**(4) Trần Tùng Lâm: Ủy viên HĐQT**

Họ và tên : Trần Tùng Lâm  
 Giới tính : Nam  
 Chức vụ hiện tại : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển nhà và hạ tầng Vinacomim

Ngày sinh : 13/12/1967  
 Nơi sinh : Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Số CMTND : 011312485 do CA Hà Nội cấp ngày cấp 9/11/2009  
 Quê quán : xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú : Số 484 Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

***Quá trình công tác:***

Từ 3/1986-9/1989 : Bộ đội thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn huấn luyện sư đoàn 371 Không quân tại sân bay Đa Phúc, Sóc Sơn, HN  
 Từ 10/1989-1994 : Kế toán tổng hợp, Phòng kế toán Công ty giấy da xuất khẩu Hà Nội  
 Từ 1994-2003 : Trưởng phòng Tài chính kế toán Trung tâm dịch vụ khách hàng Bưu điện Hà Nội  
 Từ 2003-2008 : Chuyên viên chính, Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán, phụ trách đầu tư tại Bưu điện Hà Nội  
 Từ 8/2008-12/2011 : Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT, Bí thư chi bộ Công ty CP Viễn thông Thăng Long  
 Từ 8/2011- nay : Giảng viên tại chức tại Khoa Quản lý lao động Trường Đại học lao động xã hội  
 Từ 01/2011- nay : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển nhà và hạ tầng Vinacomin  
 Số cổ phần nắm giữ : 03 cổ phần

**(5) Nguyễn Quốc Cường: Ủy viên HĐQT**

Họ và tên : Nguyễn Quốc Cường  
 Giới tính : Nam  
 Chức vụ hiện tại : Phó Giám đốc Viễn thông Hà Nội  
 Ngày sinh : 04/04/1970  
 Nơi sinh : Bắc Ninh  
 CMTND số : 012330841 do CA Hà Nội cấp ngày 03/4/2010  
 Quê quán : Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  
 Địa chỉ thường trú : số 21, ngõ 59 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ công nghệ thông tin

***Quá trình công tác***

Từ 7/1993-7/1995 : Kỹ sư máy tính, Phòng QL nghiệp vụ, Công ty Điện thoại Hà Nội, BĐ TP Hà Nội

Từ 8/1995-11/1996 : Phó trưởng Trung tâm NGĐT&NTV, Công ty Điện thoại HN, Bưu điện TP HN

Từ 12/1996-1/1998 : Phó phụ trách phòng máy tính, Công ty Điện thoại HN, BĐ TP Hà Nội

Từ 2/1998-6/2001 : Trưởng phòng máy tính, Công ty Điện thoại HN, Bưu điện TP HN

Từ 7/2001-11/2002 : Học cao học tại RMIT, Melbourne, Australia

Từ 12/2002-12/2002 : Trưởng phòng máy tính, Công ty Điện thoại HN, BĐTP HN

Từ 1/2003-10/2003 : Phó phòng QL Viễn thông Bưu điện TP HN

Từ 10/2003-12/2003 : Quyền trưởng phòng Quản lý Viễn thông BĐ TP Hà Nội

Từ 1/2008-5/2008 : Trưởng phòng mạng và dịch vụ Viễn thông Hà Nội

Từ 5/2008- nay : Phó Giám đốc Viễn thông Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ:

+ Cá nhân : 10.000 cổ phần

+ Đại diện vốn nhà nước : 800.000 cổ phần

**b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: không có**

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: năm 2013 Hội đồng quản trị họp tổng số 06 buổi, nội dung và kết quả của các cuộc họp**

STT	Ngày	Nội dung
1	13/4/2013	<p>1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2013</p> <p>- Kế hoạch doanh thu năm 2013 là: 87 tỷ, lợi nhuận: 3.5 tỷ</p> <p>2. Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012:</p> <p>- Hội đồng quản trị nhất trí với nội dung dự thảo chương trình tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2012. Thời gian dự kiến vào tháng 5/2013. Giao Ban Tổng giám đốc điều hành lên kế hoạch báo cáo HĐQT tại cuộc họp sau.</p> <p>3. Thông qua mức tạm ứng trả cổ tức năm 2012:</p> <p>- Hội đồng quản trị nhất trí thông qua mức tạm ứng trả cổ tức năm 2012 là 6%.</p> <p>4. Kế hoạch thu hồi công nợ:</p> <p>- Giao Ban Tổng giám đốc điều hành làm văn bản gửi cơ quan chức năng đề nghị làm việc quyết liệt về vấn đề thu hồi công nợ nội bộ của Công ty.</p>



2	20/5/2013	<p>1. Phó chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc ông Đinh Tiến Vịnh báo cáo tổng kết về kết quả điều hành trong 03 năm 2010-2013 của Tổng Giám đốc:</p> <p>Tổng giám đốc trình bày bản báo cáo chi tiết tóm tắt quá trình điều hành hoạt động của Công ty trong 03 năm qua và kế hoạch SXKD ngắn, trung, dài hạn trong các năm tới.</p> <p>2. Ý kiến của Ủy viên HĐQT ông Huỳnh Song Trà</p> <p>Do mới tham gia HĐQT thời gian ngắn nên chưa giúp được nhiều cho Công ty. Hiện nay theo sự phân công công việc mới của Công ty VNPT Technology, tôi thấy mình cần có thêm thời gian tập trung cho công việc mới và sẽ ít có cơ hội hợp tác, hỗ trợ Công ty CP Hacıisco trong thời gian tới. Vì vậy bản thân có nguyện vọng xin rút và không ứng cử vào HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2011-2016.</p> <p>3. Ban lãnh đạo Công ty báo cáo các nội dung chính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2012:</p> <p>* Những nội dung chính chuẩn bị cho Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2012.</li> <li>- Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012: mục tiêu, kế hoạch SXKD năm 2013.</li> <li>- Báo cáo của Ban kiểm soát.</li> <li>- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012.</li> <li>- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2013.</li> <li>- Tờ trình mức thù lao HĐQT, BKS năm 2012 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2013.</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc.</li> <li>- Tờ trình bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>- Tờ trình sửa đổi điều lệ.</li> </ul> <p>4. Các thành viên HĐQT tham gia ý kiến:</p> <p>Nhất trí với nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc Đinh Tiến Vịnh trong nhiệm kỳ 2010-2013. Ban Tổng Giám điều hành đã họp bàn thống nhất với định hướng, kế hoạch hoạt động của Công ty tại bản báo cáo của ông Đinh Tiến Vịnh.</p> <p>5. Kết luận của Chủ tịch HĐQT ông Nguyễn Quốc Cường:</p> <p>*Thống nhất với nội dung chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2012.</li> <li>- Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012: mục tiêu, kế hoạch SXKD năm 2013.</li> <li>- Báo cáo của Ban kiểm soát</li> <li>- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012.</li> <li>- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán 2013.</li> <li>- Tờ trình mức thù lao HĐQT, BKS năm 2012 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2013.</li> <li>- Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc.</li> </ul>
---	-----------	--

		<p>- Tờ trình bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Tờ trình sửa đổi điều lệ.</p> <p>* Hội đồng quản trị đã thảo luận và thống nhất thông qua việc tiếp tục bổ nhiệm ông Đinh Tiến Vịnh làm Tổng Giám đốc Công ty CP Hacisco thời hạn bổ nhiệm 02 năm. Nhiệm kỳ 2013-2015</p> <p>* HĐQT nhất trí việc ông Huỳnh Song Trà xin rút và không ứng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2011-2016.</p>
3	07/6/2013	<p>1. Hội đồng quản trị thống nhất với nội dung phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT như sau:</p> <p>* Ông Nguyễn Quốc Cường – Chủ tịch HĐQT</p> <p>Chỉ đạo chung các hoạt động của HĐQT, cùng ban lãnh đạo công ty tích cực xây dựng mối quan hệ với các đối tác trong ngành và các đối tác nước ngoài.</p> <p>* Ông Tô Dũng Thái – Ủy viên HĐQT</p> <p>Chỉ đạo công tác xây dựng quan hệ hợp tác và thực hiện các hợp đồng với các công ty di động, xây dựng mạng wifi, hợp tác cung cấp sản phẩm dịch vụ của VNPT-Technology.</p> <p>* Ông Đinh Tiến Vịnh – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc</p> <p>Chỉ đạo điều hành Công ty, xây dựng định hướng phát triển Công ty. Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy các phòng ban chức năng tinh gọn, hiệu quả hơn. Phát triển lĩnh vực Xây lắp truyền thống và những ngành nghề kinh doanh mới có hiệu quả.</p> <p>* Ông Phạm Đức Hạnh- Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc</p> <p>Chỉ đạo công tác thu hồi công nợ khách hàng, công nợ nội bộ và cùng ban Tổng giám đốc điều hành phát triển lĩnh vực xây lắp viễn thông truyền thống và các lĩnh vực kinh doanh mới.</p> <p>* Ông Trần Tùng Lâm – Ủy viên HĐQT</p> <p>Tích cực tìm kiếm công việc ngoài ngành nhằm tăng doanh thu cho Công ty. Phụ trách theo dõi về lương thưởng, nhân sự của HĐQT, BKS</p> <p>2. Kế hoạch triển khai công tác thu hồi công nợ</p> <p>Giao Ban Lãnh đạo công ty lên phương án chi tiết, kế hoạch triển khai công tác thu hồi công nợ báo cáo HĐQT</p> <p>3. Thực hiện thông tư 121/2012/TT/BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng:</p> <p>- Sửa đổi điều lệ công ty. Ban hành trước ngày 01/07/2013</p> <p>- Sửa đổi ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty trước ngày 01/07/2013</p> <p>- Bổ nhiệm ông Trần Tùng Lâm thành viên HĐQT độc lập phụ trách theo dõi về vấn đề lương thưởng, nhân sự của HĐQT, BKS</p>

4	09/7/2013	<p>1. Biểu quyết thông qua việc từ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua việc ông Nguyễn Quốc Cường xin từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT với tỷ lệ 5/5 phiếu, đạt 100%</p> <p>2. Biểu quyết thông qua việc đề cử ông Tô Dũng Thái giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua việc bầu ông Tô Dũng Thái giữ chức danh Chủ tịch HĐQT với tỷ lệ 5/5 phiếu, đạt 100%.</p> <p>3. Thành viên HĐQT, kế hoạch triển khai công tác của HĐQT:</p> <p>* Thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Tô Dũng Thái: Chủ tịch Hội đồng quản trị</li> <li>- Ông Đinh Tiến Vịnh: Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc</li> <li>- Ông Phạm Đức Hạnh: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc</li> <li>- Ông Nguyễn Quốc Cường: Ủy viên HĐQT</li> <li>- Ông Trần Tùng Lâm: Ủy viên HĐQT</li> </ul> <p>* Kế hoạch triển khai công tác của Hội đồng quản trị:</p> <p>Hội đồng Quản trị khẳng định quyết tâm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Để đạt được mục tiêu này trước mắt Hội đồng quản trị cần đoàn kết, nỗ lực, cùng ban lãnh đạo Công ty tìm kiếm công việc trong thời gian tới giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p>
---	-----------	--

5	31/7/2013	<p>1. Kế hoạch doanh thu Quý II năm 2013 dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu 27 tỷ</li> <li>- Lợi nhuận: 1 tỷ</li> </ul> <p>Trong đó: Xây lắp 23 tỷ, thương mại: 2 tỷ, các lĩnh vực kinh doanh khác: 2 tỷ</p> <p>2. Các giải pháp để Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2013:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT giao Công ty nghiên cứu đề xuất phương án thưởng theo doanh thu lợi nhuận đối với các cá nhân tìm được công việc về cho công ty.</li> <li>- Giai đoạn cuối năm tập trung phát triển mảng thương mại trong ngành.</li> <li>- Tái cơ cấu lại danh mục đầu tư cổ phiếu.</li> <li>- Cần lưu ý công trình xây lắp bưu chính viễn thông đối với những công trình có vốn, có lợi nhuận để triển khai.</li> <li>- Liên quan đến việc tạm ứng cho các đơn vị thi công cần có cơ chế kiểm soát tránh trường hợp không thu hồi được vốn.</li> <li>- Giao công ty hoàn thiện thủ tục bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng theo đúng quy trình để trình Chủ tịch HĐQT</li> </ul> <p>3. Thay đổi phân công nhiệm vụ trong HĐQT</p> <p>Căn cứ cuộc họp HĐQT lần thứ 15 bầu Chủ tịch HĐQT thay thế ông Nguyễn Quốc Cường đó là ông Tô Dũng Thái do đó sự phân công nhiệm vụ của ông Tô Dũng Thái và ông Nguyễn Quốc Cường có sự thay đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Ông Tô Dũng Thái – Chủ tịch HĐQT</li> </ul> <p>Chỉ đạo chung các hoạt động của HĐQT, cùng Ban lãnh đạo Công ty tích cực xây dựng mối quan hệ với các đối tác trong, ngoài cũng như các đối tác nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Ông Nguyễn Quốc Cường- Ủy viên HĐQT</li> </ul> <p>Chỉ đạo công tác xây dựng quan hệ hợp tác và thực hiện các hợp đồng với các công ty di động, xây dựng mạng lưới wifi, hợp tác cung cấp sản phẩm dịch vụ của VNT-Technology.</p> <p>4. Kế hoạch triển khai công tác công nợ nội bộ, công nợ khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Công nợ khách hàng:</li> </ul> <p>Đối với mảng công nợ khách hàng cần xây dựng cơ chế tài chính ngay đối với công nợ mới cần gắn trách nhiệm của đơn vị sản xuất đối với việc thu hồi công nợ.</p> <p>Xây dựng cơ chế tài chính cho việc thu hồi công nợ cũ khó đòi, có danh mục chi tiết công nợ cũ kèm theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Công nợ nội bộ:</li> </ul> <p>Tích cực triển khai thu hồi công nợ của các cá nhân CBCNV trong công ty.</p> <p>Việc đầu tư vào triển khai dự án nhà G Thành Công HĐQT sẽ tổ chức cuộc họp mời ông Phạm Hữu Xuân đến làm việc chi tiết. Sau đó HĐQT sẽ giao Ban Tổng Giám đốc có văn bản chính thức trả lời cơ quan chức năng.</p>
---	-----------	---

6	13/11/2013	<p>1. Các giải pháp Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2013:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích cực hoàn thiện những công trình đang thi công dở dang để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.</li> <li>- Đẩy nhanh việc triển khai công nợ khách hàng và công nợ nội bộ. Tập trung các công trình đã có kế hoạch vốn để thu hồi công nợ khách hàng.</li> <li>- Giai đoạn cuối năm tập trung phát triển mảng thương mại trong ngành</li> <li>- Cần đánh giá các công trình xây lắp khi triển khai phải có kế hoạch vốn khả thi, hạn chế tập trung nhiều vào các công trình chưa có kế hoạch vốn.</li> </ul> <p>2. Nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao Ban giám đốc điều hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT giao Ban Tổng Giám đốc nghiên cứu đề xuất phương án thưởng theo doanh thu lợi nhuận đối với các cá nhân tìm được công việc về cho công ty (trên quan điểm khi công trình thu được lãi mới xét thưởng)</li> <li>- Đề xuất Ban Tổng Giám đốc điều hành nghiên cứu lại mô hình quản lý của công ty theo hướng quản lý tập trung sẽ hiệu quả hơn trong giai đoạn hiện nay.</li> <li>- Ban Tổng Giám đốc điều hành cần có công cụ để quản lý công việc một cách chi tiết hơn.</li> </ul> <p>3. Thay đổi người công bố thông tin:</p> <p>Xét nhu cầu thực tế công việc liên quan tới việc cung cấp thông tin của Công ty đại chúng. HĐQT ủy quyền bà Trần Thu Nhận – Kế toán trưởng Công ty là người chịu trách nhiệm trong việc công bố thông tin của công ty thay bà Hà Thu Nga kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2013.</p> <p>4. Giải pháp thu hồi công nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường rà soát, đối chiếu, xác nhận nợ với các đối tượng nợ cả về công nợ nội bộ cũng như công nợ khách hàng.</li> <li>- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ khách hàng để có vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.</li> <li>- Tập trung triển khai công nợ nội bộ, báo cáo hội đồng quản trị cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ 18</li> </ul>
---	------------	---

*d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:* ( Không có)

*e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:* (Không có)

*f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:* (không có)

#### **V.2. Ban Kiểm soát**

*a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* hiện gồm 03 người

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (Cổ phần)	Số lượng cổ phần đại diện (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Đăng Minh	Trưởng BKS	5.000	200.000	2.56%
2	Nguyễn Gia Tuyên	Ủy viên BKS	0	0	0%
3	Đinh Thị Thúy Hạnh	Ủy viên BKS	0	0	0%

**(1) Phạm Đăng Minh – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên : Phạm Đăng Minh  
 Chức vụ hiện tại : Phó trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính Viễn thông HN  
 Giới tính : Nam  
 Ngày, tháng, năm sinh : 01/04/1965  
 Nơi sinh : Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 CMTND số : 013006509 do CA Hà Nội cấp ngày 06/10/2007  
 Quê quán : Đông Sơn, Đông Hưng, Thái Bình  
 Địa chỉ thường trú : số 1/696 Nguyễn Văn Cừ, Gia Thụy, quận Long Biên, HN  
 Trình độ văn hóa : 10/10  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

***Quá trình công tác:***

Từ 1995-1997 : chuyên viên Phòng kế toán Công ty Hóa chất – Bộ thương mại  
 Từ 1997-1999 : Tổ trưởng tổ kế toán TT kinh doanh chất dẻo Công ty Hóa chất – Bộ thương mại  
 Từ 1999-2000 : Chuyên viên Kế toán Bưu điện Đông Anh  
 Từ 2000-2002 : Kế toán trưởng Bưu điện Đông Anh  
 Từ 2002- nay : Phó trưởng phòng Kế toán Thống kê Tài chính Viễn thông HN  
 Từ 5/2008- nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Xây lắp Bưu điện HN (nay là Công ty CP Hacisco)

Số cổ phần nắm giữ: cá nhân: 5.000 cp. Đại diện vốn Nhà nước: 200.000 CP

**(2) Nguyễn Gia Tuyên – Ủy viên Ban kiểm soát**

Họ và tên : Nguyễn Gia Tuyên  
 Bí danh : Nguyễn Gia Bình  
 Giới tính : Nam  
 Chức vụ hiện tại : Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện  
 Ngày, tháng, năm sinh : 30/03/1957  
 Nơi sinh : Thị xã Tuyên Quang  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Số CMTND : 010969136 do CA Hà Nội cấp ngày 06/09/2002  
 Quê quán : Thôn Liễu Ngạn, Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh  
 Địa chỉ thường trú : số 8 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : 10/10  
 Nghiệp vụ chuyên môn : Cử nhân Đại học Tài chính – Kế toán – Ngân hàng.  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số : Đ 0025/KTV do Bộ Tài chính cấp ngày 18/05/1999  
 Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Niên Giám và Trang vàng 2 VN;

- Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông VN (VNTT);
- Ủy viên ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần chuyển phát nhanh Bưu điện (EMS).

**Quá trình công tác:**

Từ 1975-1980	: Sinh viên Đại học Tài chính kế toán HN
Từ 1981-1988	: Kế toán viên Sở truyền tải Điện I chuyên viên
Từ 1988-1993	: Kế toán viên Công ty Xây lắp – Sở Điện lực HN
Từ 1993-2000	: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Việt Nam Phó phòng
Từ 2001-2006	: Tư vấn quản lý Công ty Tài chính Bưu điện (PTF) Giám đốc Trung tâm tư vấn
Từ 2006-2010	: Ban kiểm soát Công ty Tài chính Bưu điện (PTF) Trưởng ban kiểm soát
Từ 2010- nay	: Ban kiểm soát Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Số cổ phần nắm giữ	: không

**(3) Đinh Thị Thúy Hạnh- Ủy viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	: Đinh Thị Thúy Hạnh
Giới tính	: Nữ
Chức vụ hiện tại	: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và sản xuất Việt – Hàn
Ngày sinh	: 04/04/1973
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt nam
CMTND số	: 011786619 do CA Hà Nội cấp ngày 27/07/1999
Quê quán	: Gia Hưng, Gia Viễn, Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	: số 59 phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản lý kinh tế

**Quá trình công tác:**

Từ 7/1995- 7/1999	: Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Công Trạng
Từ 8/1999-7/2003	: Phó giám đốc Công ty DE TELECOM
Từ 8/2003- nay	: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư & SX Việt Hàn kiêm phụ trách nhóm Kinh doanh thương mại Công ty CP Đầu tư và sản xuất Việt Hàn kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty DETECH
Số cổ phần nắm giữ	: không

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Các thành viên BKS đã chủ động, tích cực phối hợp và làm việc với HĐQT, Ban TGD và các đơn vị trực thuộc công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty; đề xuất, hỗ trợ tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc cho đơn vị;

- Thực hiện đúng, đầy đủ những quyền hạn, trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định;

Ngoài các hoạt động thường xuyên theo quy định của doanh nghiệp và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Hacisco, Ban Kiểm soát đã thực hiện những công việc sau:

- Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty xây dựng bổ sung, hoàn thiện các Quy chế nội bộ của Công ty; Tham gia các cuộc họp tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về thu hồi công nợ nội bộ, nợ phải thu khách hàng,...

- Trong năm qua Ban KS đã cùng nhau họp bàn, trao đổi và thống nhất những nội dung cơ bản như sau:

+ Hàng quý họp thống nhất nội dung kiểm tra các báo cáo tài chính của Công ty và những ý kiến đề xuất, kiến nghị; Lập và gửi báo cáo của Ban KS hàng quý, năm kịp thời;

+ Làm việc với Đoàn Kiểm toán của Công ty AASC về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính và thư quản lý năm 2013

### V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đồng)	Tiền lương, thưởng (đồng)	Tổng số (đồng)	Ghi chú
1	Tô Dũng Thái	CTHĐQT	1.800.000		1.800.000	
2	Đình Tiến Vịnh	PCTHĐQT – Tổng GD	12.000.000	276.138.544	288.138.544	
3	Phạm Đức Hạnh	UVHĐQT – Phó TGD	10.800.000	228.074.420	238.874.420	
4	Trần Tùng Lâm	UVHĐQT	10.800.000		10.800.000	
5	Nguyễn Quốc Cường	UVHĐQT	12.600.000		12.600.000	Miễn nhiệm CT HĐQT ngày 24/5/2013
6	Huỳnh Song Trà	UVHĐQT	9.000.000		9.000.000	Miễn nhiệm HĐQT ngày 24/5/2013
7	Phạm Đăng Minh	Tr.BKS	10.800.000		10.800.000	
8	Nguyễn Gia Tuyên	UV BKS	9.000.000		9.000.000	
9	Đình Thị Thúy Hạnh	UV BKS	9.000.000		9.000.000	
10	Hà Thu Nga	Thư ký HĐQT	6.000.000	121.145.263	127.145.263	
11	Đỗ Văn Tiến	Phó TGD		233.043.193	233.043.193	

#### b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

## VI. Báo cáo tài chính

### VI.1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập được lựa chọn là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



## **Cơ sở ý kiến**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012 và 2013 đạt lợi nhuận sau thuế lần lượt là 4.953.117.595 đồng và 3.502.557.294 đồng. Tuy nhiên

- Công ty chưa trích lập Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính, số dự phòng chưa được trích lập tài ngày 31/12/2012 là 19.588 triệu đồng và số chưa được trích lập bổ sung tại ngày 31/12/2013 là 1.525 triệu đồng (Chi tiết xem Phụ lục đính kèm). Điều này dẫn đến chi tiêu Dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Bảng cân đối kế toán tài ngày 31/12/2013 đang phản ánh thiếu tổng số tiền là 21.113 triệu đồng. Chi tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 phản ánh cao hơn thực tế số tiền 19.588 triệu đồng và năm 2013 phản ánh cao hơn thực tế số tiền là 1.525 triệu đồng.

- Công ty chưa kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đã hoàn thành vào kết quả hoạt động kinh doanh số tiền là 1.936.706.119 đồng. Số liệu này tại thời điểm 31/12/2012 là 2.121.342.897 đồng. Năm 2013 đã thực hiện thu hồi của chủ nhiệm công trình là 184.636.778 đồng. Điều này dẫn đến chi tiêu Hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 đang phản ánh tăng lên 1.936.706.119 đồng, và do chưa kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm 2012 số tiền 1.936.706.119 đồng nên chi tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo

cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 phản ánh tăng lên số tiền là 1.936.706.119 đồng.

- Chúng tôi đã thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận độc lập tới các bên liên quan đến các khoản nợ phải thu (142 đối tượng với giá trị 95.3483080.292 đồng), nợ phải trả (20 đối tượng với giá trị 3.774.147.346 đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, số lượng thư xác nhận gửi về chúng tôi đạt thấp. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá hết được ảnh hưởng của các khoản nợ chưa được đối chiếu đến Báo cáo tài chính. Thông tin về các khoản nợ được đối chiếu trình bày tại Phụ lục công nợ kèm theo báo cáo tài chính.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Hacisco tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**VI.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**(chúng tôi xin gửi kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014* 

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

đã được kiểm toán

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>02-03</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>04-05</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>06-30</b>
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-30
<b>Phụ lục tổng hợp công nợ và ước tính dự phòng nợ phải thu khó đòi</b>	<b>31-32</b>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hacıscó (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hacıscó đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội (tên viết tắt là HACISCO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 950/QĐ-TCCB ngày 13 tháng 10 năm 2000 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 51, Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm gồm:

Ông: Tô Dũng Thái	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 07 năm 2013
Ông: Nguyễn Quốc Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 07 năm 2013
Ông: Đinh Tiến Vịnh	Phó Chủ tịch	
Ông: Phạm Đức Hạnh	Ủy viên	
Ông: Trần Tùng Lâm	Ủy viên	
Ông: Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 07 năm 2013
Ông: Huỳnh Song Trà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 05 năm 2013

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông: Đinh Tiến Vịnh	Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Phạm Đăng Minh	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Gia Tuyên	Thành viên
Bà: Đinh Thị Thúy Hạnh	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Đình Tiên Vĩnh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hacisco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hacisco được lập ngày 18 tháng 03 năm 2014 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Cơ sở ý kiến**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2012 và 2013 đạt lợi nhuận sau thuế lần lượt là 4.953.117.595 đồng và 3.502.557.294 đồng. Tuy nhiên

- Công ty chưa trích lập Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, số dự phòng chưa được trích lập tại ngày 31/12/2012 là 19.588 triệu đồng và số chưa được trích lập bổ sung tại ngày 31/12/2013 là 1.525 triệu đồng (Chi tiết xem Phụ lục đính kèm). Điều này dẫn đến Chi tiêu Dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 đang phản ánh thiếu tổng số tiền là 21.113 triệu đồng, Chi tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2012 phản ánh cao hơn thực tế số tiền là 19.588 triệu đồng và năm 2013 phản ánh cao hơn thực tế số tiền là 1.525 triệu đồng;

- Công ty chưa kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đã hoàn thành vào kết quả hoạt động kinh doanh số tiền là: 1.936.706.119 đồng. Số liệu này tại thời điểm 31/12/2012 là 2.121.342.897 đồng. Năm 2013 đã thực hiện thu hồi của chủ nhiệm công trình là 184.636.778 đồng. Điều này dẫn đến Chi tiêu "Hàng tồn kho" trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 đang phản ánh tăng lên 1.936.706.119 đồng, và do chưa kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm 2012 số tiền 1.936.706.119 đồng nên Chi tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2013 phản ánh tăng lên số tiền là 1.936.706.119 đồng;

- Chúng tôi đã thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận độc lập tới các bên liên quan đến các khoản nợ phải thu (142 đối tượng với giá trị 95.348.080.292 đồng), nợ phải trả (20 đối tượng với giá trị 3.774.147.346 đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, số lượng thư xác nhận gửi về chúng tôi đạt thấp. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá hết được ảnh hưởng của của các khoản nợ chưa được đối chiếu đến Báo cáo tài chính. Thông tin về các khoản nợ được đối chiếu trình bày tại Phụ lục công nợ kèm theo báo cáo tài chính.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hacıisco tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014*

---

**Nguyễn Quang Huy**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1126-2013-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>205.791.192.615</b>	<b>173.663.068.594</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>7.072.883.280</b>	<b>44.789.923.181</b>
111	1. Tiền		7.072.883.280	3.289.923.181
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	41.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>38.266.452.600</b>	<b>2.459.098.593</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		43.409.104.519	7.408.363.012
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.142.651.919)	(4.949.264.419)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>151.781.737.659</b>	<b>115.579.232.278</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		68.490.993.755	51.077.116.965
132	2. Trả trước cho người bán		4.754.615.480	2.623.233.300
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	85.254.157.397	68.596.910.986
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.718.028.973)	(6.718.028.973)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>7.298.197.050</b>	<b>8.549.234.526</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.306.620.750	8.557.658.226
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.423.700)	(8.423.700)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.371.922.026</b>	<b>2.285.580.016</b>
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>7</b>	1.371.922.026	2.285.580.016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>30.967.255.349</b>	<b>32.420.277.567</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.078.127.691</b>	<b>4.507.049.503</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>8</b>	2.791.041.485	4.123.471.243
222	- Nguyên giá		7.076.757.907	8.206.329.483
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.285.716.422)	(4.082.858.240)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>9</b>	147.270.323	243.762.377
228	- Nguyên giá		514.078.682	544.002.232
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(366.808.359)	(300.239.855)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		139.815.883	139.815.883
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>18.472.619.193</b>	<b>18.869.887.620</b>
241	- Nguyên giá		25.211.190.782	24.579.659.967
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.738.571.589)	(5.709.772.347)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>8.847.855.110</b>	<b>8.316.185.110</b>
258	3. Đầu tư dài hạn khác	<b>11</b>	8.847.855.110	8.316.185.110
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>568.653.355</b>	<b>727.155.334</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>12</b>	28.653.355	118.545.334
268	3. Tài sản dài hạn khác	<b>13</b>	540.000.000	608.610.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>236.758.447.964</b>	<b>206.083.346.161</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. Nợ phải trả</b>		<b>81.951.878.904</b>	<b>54.680.840.797</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>80.975.431.602</b>	<b>53.838.762.291</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	176.000.000	176.000.000
312	2. Phải trả cho người bán		11.549.625.468	8.492.226.604
313	3. Người mua trả tiền trước		3.306.759.920	5.299.305.318
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.371.848.218	461.157.143
315	5. Phải trả người lao động		44.101.633.654	19.116.006.104
316	6. Chi phí phải trả	16	12.970.763.438	13.225.729.029
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	6.498.779.736	6.794.118.125
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		21.168	274.219.968
			<b>976.447.302</b>	<b>842.078.506</b>
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>			
333	3. Phải trả dài hạn khác	18	588.559.649	378.801.059
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		387.887.653	463.277.447
			<b>154.806.569.060</b>	<b>151.402.505.364</b>
<b>400</b>	<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>			
			<b>154.806.569.060</b>	<b>151.402.505.364</b>
<b>410</b>	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	19		
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		57.131.343.889	57.131.343.889
414	4. Cổ phiếu quỹ		(2.511.165.126)	(2.511.165.126)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		7.962.734.509	7.962.734.509
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.140.058.654	3.140.058.654
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.083.597.134	5.679.533.438
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>236.758.447.964</b>	<b>206.083.346.161</b>

Người lập



Đổng Thị Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Nhận

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đình Tiên Vịnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	83.010.027.981	127.893.884.354
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.010.027.981	127.893.884.354
11	4. Giá vốn hàng bán	21	76.461.188.238	122.106.513.302
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.548.839.743	5.787.371.052
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.941.573.216	3.258.079.158
22	7. Chi phí tài chính	23	195.637.005	(217.107.476)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	5.884.932
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.943.679.893	7.246.472.810
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.351.096.061	2.016.084.876
31	11. Thu nhập khác	24	46.426.673	5.617.206.216
32	12. Chi phí khác	25	929.107.321	1.127.008.347
40	13. Lợi nhuận khác		(882.680.648)	4.490.197.869
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.468.415.413	6.506.282.745
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	965.858.119	1.553.165.150
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.502.557.294</u>	<u>4.953.117.595</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	<u>449</u>	<u>635</u>

Người lập

Kế toán trưởng

Đổng Thị Hằng

Trần Thị Thu Nhận

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đinh Tiên Vịnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2013  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.468.415.413	6.506.282.745
	2. Điều chỉnh các khoản		(2.651.818.696)	(5.958.134.844)
02	- Khấu hao TSCĐ		1.624.846.076	1.531.454.808
03	- Các khoản dự phòng		193.387.500	(227.152.393)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.470.052.272)	(7.268.322.191)
06	- Chi phí lãi vay		-	5.884.932
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.816.596.717	548.147.901
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(35.158.841.836)	17.763.702.589
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.251.037.476	1.046.300.164
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		26.831.576.337	(11.279.409.306)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		176.505.971	70.836.779
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(5.884.932)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(488.499.737)	(3.569.036.901)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		640.187.817	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(337.198.800)	(734.832.863)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.268.636.055)	3.839.823.431
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(17.790.000)	(1.949.787.338)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		-	2.433.642.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(36.300.009.227)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.869.395.381	3.298.400.932
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.448.403.846)	3.782.255.594
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	12.231.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(12.231.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(37.717.039.901)	7.622.079.025
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		44.789.923.181	37.167.844.156
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	7.072.883.280	44.789.923.181

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2014

Người lập



Đổng Thị Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Nhận



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hacisco đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội (tên viết tắt là HACISCO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 950/QĐ-TCCB ngày 13 tháng 10 năm 2000 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 51, Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng; tương đương 8.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Xí nghiệp Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 1	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Xí nghiệp Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 2	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Xí nghiệp Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 4	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Xí nghiệp Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 5	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Xí nghiệp Xây lắp Bưu chính Viễn thông phía Nam	Lô H30 đường số 1, KCN Lê Minh Xuân, Bình Chánh, TPHCM	Xây lắp
- Xí nghiệp số 1	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Xí nghiệp số 2	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Xí nghiệp số 8	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Xí nghiệp Thiết kế	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp
- Văn phòng Công ty	51 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Xây lắp

#### Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp (trừ nhà cửa như các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất), xây dựng công trình cửa (như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê,...), xây dựng đường hầm, các công việc xây dựng khác không phải nhà (như các công trình thể thao ngoài trời);

- Xây dựng công trình công ích;

- Phá dỡ;

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Trang trí nội thất);

- Lắp đặt hệ thống điện;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết:

+ Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

+ Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:
  - + Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;
  - + Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;
  - + Bán buôn sơn và véc ni;
  - + Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;
  - + Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;
  - + Bán buôn kính phẳng;
  - + Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;
  - + Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;
  - + Bán buôn bình đun nước nóng;
  - + Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;
  - + Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...;
  - + Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết:
  - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
  - + Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ;
  - + Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá;
  - + Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
  - + Lai dắt, cứu hộ đường bộ.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Đúc sắt, thép;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...(Trừ các loại Nhà nước cấm);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý);
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Sản giao dịch bất động sản);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:
  - + *Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc;*
  - + *Thử độ ẩm và các công việc thử nước;*
  - + *Chống ẩm các toà nhà;*
  - + *Chôn chân trụ;*
  - + *Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất;*
  - + *Uốn thép;*
  - + *Xây gạch và đặt đá;*
  - + *Lợp mái bao phủ toà nhà;*
  - + *Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc giàn giáo và mặt bằng;*
  - + *Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,*
  - + *Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao;*
- Các công việc dưới bề mặt;
- Xây dựng bể bơi ngoài trời;
- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;
- Thuê cần trục có người điều khiển;
- Thi công xây lắp các công trình điện, đường dây tải điện và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kv;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
  - + *Thiết kế các công trình điện, đường dây tải điện và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kv;*
  - + *Tư vấn khảo sát, giám sát, thẩm định, lập dự án, dự toán công trình bưu chính viễn thông;*
  - + *Tư vấn thiết kế, thi công các công trình xây lắp dân dụng, giao thông;*
  - + *Tư vấn thiết kế, thi công các công trình xây lắp cơ điện lạnh;*
  - + *Tư vấn thiết kế thi công các công trình xây lắp bưu chính viễn thông;*
  - + *Quản lý, giám sát các công trình xây dựng trong lĩnh vực dân dụng công nghiệp và thông tin;*
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (các mặt hàng được Nhà nước cho phép).

## **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

- Năm 2013 ngoài việc củng cố và giữ vững các thị trường truyền thống (hoạt động xây lắp, cho thuê nhà), Công ty đang tạm thời thu hẹp các lĩnh vực kinh doanh thương mại cũ (hóa chất, cát, tôn, sắt thép), tìm kiếm những lĩnh vực kinh doanh thương mại khác như làm đại lý cho các hãng thiết bị viễn thông Kexin, Huawei để tham gia các dự án cung cấp thiết bị viễn thông. Do vậy, doanh thu của Công ty chỉ đạt bằng 65% so với năm trước, chủ yếu là do giảm doanh thu về lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng thương mại hóa chất, cát, tôn, sắt thép trong năm 2013.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính tại các đơn vị thành viên và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ được loại trừ.

### **2.4. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình, hạng mục công trình (CT, HMCT) như sau:

- Đối với các công trình chưa có khối lượng xây lắp hoàn thành trong năm: CPSXKD dở dang cuối năm từng công trình, hạng mục công trình = CPSXKD dở dang đầu năm từng công trình, hạng mục công trình + CPSXKD dở dang phát sinh trong năm từng công trình, hạng mục công trình

- Đối với các công trình, hạng mục công trình có ghi nhận doanh thu: CPSXKD dở dang cuối năm từng công trình, hạng mục công trình = CPSXKD dở dang đầu năm từng công trình, hạng mục công trình + CP SXKD phát sinh trong năm từng công trình, hạng mục công trình - Giá thành định mức từng công trình, hạng mục công trình

Trong đó:

Giá thành định mức công trình, hạng mục công trình được tạm tính = Doanh thu tạm tính từng công trình, hạng mục công trình - Thu nhập chịu thuế tính trước cho từng công trình, hạng mục công trình và sẽ được điều chỉnh theo số liệu quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## 2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Từ tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, theo đó Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng, đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 2 năm.

## 2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm

## 2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Khoản trích trước chi phí các công trình là khoản phải trả cho các Xí nghiệp và các đội thi công theo chi phí tạm tính của các công trình, hạng mục công trình đã có xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành, quyết toán A-B nhưng chưa được chủ đầu tư phê duyệt và được tạm ghi nhận doanh thu. Căn cứ trên doanh thu tạm ghi nhận công ty đang tạm trích chi phí như sau:

CP trích trước của từng công trình, hạng mục công trình = Giá thành định mức công trình, hạng mục công trình

- Các khoản CP có đủ chứng từ gốc đã tập hợp được từng công trình, hạng mục công trình

### 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết về chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông.

### 2.14 . Ghi nhận doanh thu

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa/quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Căn cứ để hạch toán doanh thu là giá trị Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình/nghiệm thu giai đoạn (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty ước tính được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện.

*Chi phí hợp đồng xây dựng*

Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

**2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.16 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

1111  
ÔNG  
NHÌM  
KIỂM  
- AS  
- TÊM -

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	339.178.277	327.496.718
Tiền gửi ngân hàng	6.733.705.003	2.962.426.463
Các khoản tương đương tiền		41.500.000.000
	<b>7.072.883.280</b>	<b>44.789.923.181</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần	VND	VND
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>			<b>7.109.104.519</b>	<b>7.408.363.012</b>
Cổ phiếu Công ty CP NTACO	169.200	169.200	4.011.843.998	4.011.843.998
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư - Kinh doanh nhà	21.000	21.000	548.435.787	548.435.787
Cổ phiếu Công ty CP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	6.900	6.900	207.959.975	207.959.975
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	11.440	10.400	145.351.380	145.351.380
Cổ phiếu Công ty CP Cao su Đà Nẵng	-	15.750	-	327.498.493
Cổ phiếu Công ty CP XNK Tổng hợp 1 Việt Nam	9.000	9.000	417.351.899	417.351.899
Cổ phiếu Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai	9.384	7.820	358.331.872	342.691.872
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	13.200	13.200	267.755.663	267.755.663
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	19.500	13.000	249.382.673	249.382.673
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 9.09	6.250	6.250	95.953.667	95.953.667
Cổ phiếu Công ty CP Alphanam	6.000	6.000	94.093.403	94.093.403
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam	7	7	153.134	153.134
Cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre	4.000	4.000	59.704.820	59.704.820
Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	7.560	5.040	90.388.199	77.788.199
Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Sam Phú	60.000	60.000	560.000.000	560.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Viễn thông VTC	76	76	2.398.049	2.398.049
<b>Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng</b>			<b>36.300.000.000</b>	
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)</b>			<b>(5.142.651.919)</b>	<b>(4.949.264.419)</b>
			<b>38.266.452.600</b>	<b>2.459.098.593</b>

(\*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại ngày 31/12/2013

Tên chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Công ty CP NTACO	169.200	4.011.843.998	659.880.000	(3.351.963.998)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư - Kinh doanh nhà	21.000	548.435.787	161.700.000	(386.735.787)
Cổ phiếu Công ty CP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	6.900	207.959.975	129.720.000	(78.239.975)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	11.440	145.351.380	75.504.000	(69.847.380)
Cổ phiếu Công ty CP XNK Tổng hợp 1 Việt Nam	9.000	417.351.899	270.900.000	(146.451.899)
Cổ phiếu Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai	9.384	358.331.872	192.372.000	(165.959.872)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	13.200	267.755.663	97.680.000	(170.075.663)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	19.500	249.382.673	138.450.000	(110.932.673)
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 9.09	6.250	95.953.667	37.500.000	(58.453.667)
Cổ phiếu Công ty CP Alphanam	6.000	94.093.403	24.000.000	(70.093.403)
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam	7	153.134	113.400	(39.734)
Cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre	4.000	59.704.820	34.800.000	(24.904.820)
Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	7.560	90.388.199	47.628.000	(42.760.199)
Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Sam Phú	60.000	560.000.000	96.000.000	(464.000.000)
Cổ phiếu Công ty CP Viễn thông VTC	76	2.398.049	205.200	(2.192.849)
		<b>7.109.104.519</b>	<b>1.966.452.600</b>	<b>(5.142.651.919)</b>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng thực hiện công trình	83.438.787.261	66.915.607.863
Dự thu lãi các khoản đầu tư	351.280.555	221.275.000
Phải thu khác	1.464.089.581	1.460.028.123
	<b>85.254.157.397</b>	<b>68.596.910.986</b>

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	153.543.960	54.758.227
Công cụ, dụng cụ	29.677.922	29.677.922
Chi phí SXKD dở dang	7.123.398.868	8.473.222.077
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.423.700)	(8.423.700)
	<b>7.298.197.050</b>	<b>8.549.234.526</b>

## 7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.371.922.026	2.285.580.016
	<b><u>1.371.922.026</u></b>	<b><u>2.285.580.016</u></b>

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	3.052.392.322	1.421.280.436	3.417.009.300	315.647.425	8.206.329.483
Tăng trong năm	-	17.790.000	-	-	17.790.000
- Mua sắm	-	17.790.000	-	-	17.790.000
Giảm trong năm	(819.165.273)	(47.185.238)	-	(281.011.065)	(1.147.361.576)
- Chuyển sang BĐSĐT	(780.195.831)	-	-	-	(780.195.831)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(38.969.442)	(47.185.238)	-	(281.011.065)	(367.165.745)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.233.227.049</u></b>	<b><u>1.391.885.198</u></b>	<b><u>3.417.009.300</u></b>	<b><u>34.636.360</u></b>	<b><u>7.076.757.907</u></b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	1.117.280.653	895.065.637	1.835.814.021	234.697.929	4.082.858.240
Tăng trong năm	156.668.625	100.266.351	342.406.445	19.506.738	618.848.159
- Trích khấu hao TSCĐ	156.668.625	100.266.351	342.406.445	19.506.738	618.848.159
Giảm trong năm	(170.446.888)	(20.322.599)	-	(225.220.490)	(415.989.977)
- Chuyển sang BĐSĐT	(131.477.446)	-	-	-	(131.477.446)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(38.969.442)	(20.322.599)	-	(225.220.490)	(284.512.531)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.103.502.390</u></b>	<b><u>975.009.389</u></b>	<b><u>2.178.220.466</u></b>	<b><u>28.984.177</u></b>	<b><u>4.285.716.422</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.935.111.669	526.214.799	1.581.195.279	80.949.496	4.123.471.243
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.129.724.659</u></b>	<b><u>416.875.809</u></b>	<b><u>1.238.788.834</u></b>	<b><u>5.652.183</u></b>	<b><u>2.791.041.485</u></b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.268.150.090 VND  
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 53.482.357 VND

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Website	Chuyển giao công nghệ sản xuất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	12.100.000	272.078.682	242.000.000	17.823.550	544.002.232
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua sắm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	(12.100.000)	-	-	(17.823.550)	(29.923.550)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(12.100.000)	-	-	(17.823.550)	(29.923.550)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>272.078.682</b>	<b>242.000.000</b>	<b>-</b>	<b>514.078.682</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>			<b>59.638.890</b>		
Số đầu năm	11.343.750	128.481.597	148.037.036	12.377.472	300.239.855
Tăng trong năm	756.250	30.650.836	59.638.890	1.485.299	92.531.275
- Trích khấu hao TSCĐ	756.250	30.650.836	59.638.890	1.485.299	92.531.275
Giảm trong năm	(12.100.000)	-	-	(13.862.771)	(25.962.771)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(12.100.000)	-	-	(13.862.771)	(25.962.771)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>159.132.433</b>	<b>207.675.926</b>	<b>-</b>	<b>366.808.359</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	756.250	143.597.085	93.962.964	5.446.078	243.762.377
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>112.946.249</b>	<b>34.324.074</b>	<b>-</b>	<b>147.270.323</b>

## 10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	16.789.155.281	7.790.504.686	24.579.659.967
Tăng trong năm	780.195.831	-	780.195.831
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang BĐS đầu tư	780.195.831	-	780.195.831
Giảm trong năm	(148.665.016)	-	(148.665.016)
- Thanh lý, nhượng bán	(139.715.016)	-	(139.715.016)
- Điều chỉnh giảm do hóa đơn đầu vào không hợp lệ	(8.950.000)	-	(8.950.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.420.686.096</b>	<b>7.790.504.686</b>	<b>25.211.190.782</b>
<b>Hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.023.971.310	1.685.801.037	5.709.772.347
Tăng trong năm	869.417.285	175.526.803	1.044.944.088
- Trích khấu hao TSCĐ	737.939.839	175.526.803	913.466.642
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang BĐS đầu tư	131.477.446	-	131.477.446
Giảm trong năm	(16.144.846)	-	(16.144.846)
- Thanh lý, nhượng bán	(16.144.846)	-	(16.144.846)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.877.243.749</b>	<b>1.861.327.840</b>	<b>6.738.571.589</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	12.765.183.971	6.104.703.649	18.869.887.620
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.543.442.347</b>	<b>5.929.176.846</b>	<b>18.472.619.193</b>



## 11 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần	VND	VND
<b><i>Đầu tư cổ phiếu (*)</i></b>			<b>1.316.185.110</b>	<b>1.316.185.110</b>
Cổ phiếu Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội	20.000	20.000	250.375.110	250.375.110
Cổ phiếu Công ty CP Xây lắp Bưu điện Cần Thơ	15.000	15.000	156.450.000	156.450.000
Cổ phiếu Công ty CP Niêm giám Điện thoại và Trang vàng I Việt Nam	15.000	15.000	188.400.000	188.400.000
Cổ phiếu Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hải Phòng	13.560	13.560	139.600.000	139.600.000
Cổ phiếu Công ty CP Nhựa Sam Phú	8.136	8.136	81.360.000	81.360.000
Công ty CP Thương mại và Du lịch Bưu điện Hà Tĩnh	50.000	50.000	500.000.000	500.000.000
<b><i>Góp vốn vào</i></b>			<b>7.531.670.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện	700.000	700.000	7.531.670.000	7.000.000.000
			<b>8.847.855.110</b>	<b>8.316.185.110</b>

(\*) Đây là các cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và cũng chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom). Tại thời điểm 31/12/2013 do không đủ cơ sở để xác định được giá thị trường của các chứng khoán này nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

## 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	118.545.334	189.382.113
Số tăng trong năm	67.831.835	118.545.334
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(157.723.814)	(189.382.113)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.653.355</b>	<b>118.545.334</b>
<b><i>Trong đó số dư cuối năm gồm:</i></b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	102.975.334
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ chờ phân bổ	28.653.355	6.610.000
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	-	8.960.000
	<b>28.653.355</b>	<b>118.545.334</b>

## 13 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn tại Ban quản lý KCN Lê Minh Xuân - Hợp đồng thuê đất	30.000.000	30.000.000
Ký quỹ dài hạn tại Công ty Tài chính Bưu điện - Bảo lãnh dự thầu	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Thanh Xuân - Bảo lãnh thực hiện thi công công trình	-	68.610.000
Ký quỹ thuê văn phòng cho Xí nghiệp miền Nam tại TP Hồ Chí Minh	10.000.000	10.000.000
	<b>540.000.000</b>	<b>608.610.000</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn CBCNV không lãi suất	176.000.000	176.000.000
	<b>176.000.000</b>	<b>176.000.000</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	1.855.876.369	458.037.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp	514.731.675	1.879.695
Thuế thu nhập cá nhân	1.240.174	1.240.174
	<b>2.371.848.218</b>	<b>461.157.143</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Trích trước chi phí công trình đã thanh lý</i>	<b>6.873.479.591</b>	<b>7.866.933.802</b>
Chi phí Nguyên vật liệu	4.476.240.457	5.288.202.474
Chi phí chung	2.397.239.134	2.578.731.328
<i>Trích trước chi phí các công trình đang thực hiện</i>	<b>6.097.283.847</b>	<b>5.358.795.227</b>
Chi phí Nguyên vật liệu	2.880.321.121	2.421.206.650
Chi phí chung	3.216.962.726	2.015.042.296
Chi phí phải trả khác		922.546.281
	<b>12.970.763.438</b>	<b>13.225.729.029</b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	42.412.374	74.269.898
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.456.367.362	6.719.848.227
<i>Cổ tức phải trả</i>	<b>51.723.770</b>	<b>51.723.770</b>
<i>Chi phí công trình phải trả các đội thi công</i>	<b>3.036.156.943</b>	<b>3.496.727.480</b>
<i>Chi phí công trình chưa chi trả</i>	<b>3.273.073.202</b>	<b>3.053.634.632</b>
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<b>95.413.447</b>	<b>117.762.345</b>
	<b>6.498.779.736</b>	<b>6.794.118.125</b>

**18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	588.559.649	378.801.059
	<b>588.559.649</b>	<b>378.801.059</b>

19 . NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	7.962.734.509	3.140.058.654	849.715.846	146.572.687.772
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	4.953.117.595	4.953.117.595
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(123.300.000)	(123.300.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3)	(3)
Số dư cuối năm trước	<u>80.000.000.000</u>	<u>57.131.343.889</u>	<u>(2.511.165.126)</u>	<u>7.962.734.509</u>	<u>3.140.058.654</u>	<u>5.679.533.438</u>	<u>151.402.505.364</u>
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	57.131.343.889	(2.511.165.126)	7.962.734.509	3.140.058.654	5.679.533.438	151.402.505.364
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	3.502.557.294	3.502.557.294
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN bổ sung năm 2012	-	-	-	-	-	(35.493.598)	(35.493.598)
Số dư cuối năm nay	<u>80.000.000.000</u>	<u>57.131.343.889</u>	<u>(2.511.165.126)</u>	<u>7.962.734.509</u>	<u>3.140.058.654</u>	<u>9.083.597.134</u>	<u>154.806.569.060</u>

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	27,63%	27,63%	22.100.000.000	22.100.000.000
Vốn góp của Robert Alexander Stone	11,94%	11,94%	9.550.000.000	9.550.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	72,38%	72,38%	48.350.000.000	48.350.000.000
			<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu quỹ:			200.000	200.000

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2012 của Công ty Cổ phần Hacisco thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 với mức chi trả cổ tức cho cổ đông là 600 đồng/cổ phần tương đương 4.680.000.000 đ. Do Báo cáo kiểm toán năm 2012 có ý kiến ngoại trừ nên Công ty chưa ghi nhận cổ tức phải trả trên Bảng cân đối kế toán khi chưa được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện chốt quyền nhận cổ tức.

*d. Cổ phiếu*

	31/12/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.800.000	7.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.800.000	7.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	200.000	200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	200.000	200.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

**20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.849.386.850	85.368.044.744
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.656.897.010	4.565.174.751
Doanh thu hoạt động xây lắp	73.503.744.121	37.960.664.859
	<b>83.010.027.981</b>	<b>127.893.884.354</b>

## 21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng bán	3.592.714.918	82.392.367.696
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.335.950.437	3.443.780.940
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	68.532.522.883	36.270.364.666
	<b>76.461.188.238</b>	<b>122.106.513.302</b>

## 22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.966.344.411	2.465.777.158
Lãi do bán chứng khoán	410.511.507	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.564.717.298	792.302.000
	<b>4.941.573.216</b>	<b>3.258.079.158</b>

## 23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	-	5.884.932
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	193.387.500	(227.152.393)
Chi phí khác	2.249.505	4.159.985
	<b>195.637.005</b>	<b>(217.107.476)</b>

## 24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý TSCĐ, vật liệu, thành phẩm	-	4.694.318
Thu nhập từ chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	-	2.618.181.818
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	559.947.093
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Hà Tĩnh chuyển tiền bồi thường do thu hồi đất	-	2.433.642.000
Thu nhập khác	46.426.673	740.987
	<b>46.426.673</b>	<b>5.617.206.216</b>

## 25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Xử lý xóa nợ đối với khoản công nợ phải thu Liang chi khi bán tài sản gắn liền với đất thuê tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	800.000.000	-
Phạt chậm nộp thuế kê khai bổ sung sau	2.855.574	-
Chi phí liên quan đến đất bị thu hồi (GTCL của TSCĐ, các chi phí khác)	-	1.035.695.853
Chi phí thanh lý TSCĐ	61.009.437	-
Chi phí khấu hao của TSCĐ không dùng	42.493.923	-
Chi phí khác	22.748.387	91.312.494
	<b>929.107.321</b>	<b>1.127.008.347</b>

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>4.468.415.413</b>	<b>6.506.282.745</b>
<b>a. Hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>4.468.415.413</b>	<b>3.901.140.927</b>
Điều chỉnh các khoản:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.564.717.298)	792.302.000
Các khoản chi phí không được trừ	959.734.363	498.679.855
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.863.432.478	3.607.518.782
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất 25%</b>	<b>965.858.119</b>	<b>901.879.696</b>
<b>b. Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</b>		
Thu nhập từ chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	-	2.618.181.818
Chi phí chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Cụm Công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội	-	13.040.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	2.605.141.818
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê</b>	<b>-</b>	<b>651.285.455</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>965.858.119</b>	<b>1.553.165.150</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.879.695	2.017.751.446
Thuế TNDN đã nộp trong năm	488.499.737	3.569.036.901
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN bổ sung năm 2012	35.493.598	
<b>Số phải nộp cuối năm</b>	<b>514.731.675</b>	<b>1.879.695</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.502.557.294</b>	<b>4.953.117.595</b>
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.502.557.294</b>	<b>4.953.117.595</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.800.000	7.800.000
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.800.000	7.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>449</b>	<b>635</b>

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.456.785.392	14.100.295.031
Chi phí nhân công	39.115.520.744	16.210.652.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.624.846.076	1.531.454.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.183.035.095	9.327.893.725
Chi phí khác bằng tiền	4.431.965.906	5.790.322.210
	<b>78.812.153.213</b>	<b>46.960.618.416</b>

## 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.072.883.280	-	44.789.923.181	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	153.745.151.152	(6.718.028.973)	119.674.027.951	(6.718.028.973)
Đầu tư ngắn hạn	43.409.104.519	(5.142.651.919)	7.408.363.012	(4.949.264.419)
Đầu tư dài hạn	8.847.855.110	-	8.316.185.110	-
	<b>213.074.994.061</b>	<b>(11.860.680.892)</b>	<b>180.188.499.254</b>	<b>(11.667.293.392)</b>
			Giá trị ghi sổ kế toán	
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			176.000.000	176.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			18.636.964.853	15.665.145.788
Chi phí phải trả			12.970.763.438	13.225.729.029
			<b>31.783.728.291</b>	<b>29.066.874.817</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

##### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.072.883.280	-	-	7.072.883.280
Phải thu khách hàng, phải thu khác	147.027.122.179	-	-	147.027.122.179
Đầu tư ngắn hạn	38.266.452.600	-	-	38.266.452.600
Đầu tư dài hạn	-	8.847.855.110	-	8.847.855.110
	<b>192.366.458.059</b>	<b>8.847.855.110</b>	-	<b>201.214.313.169</b>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.789.923.181	-	-	44.789.923.181
Phải thu khách hàng, phải thu khác	112.955.998.978	-	-	112.955.998.978
Đầu tư ngắn hạn	2.459.098.593	-	-	2.459.098.593
Đầu tư dài hạn	-	8.316.185.110	-	8.316.185.110
	<b>160.205.020.752</b>	<b>8.316.185.110</b>	-	<b>168.521.205.862</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro ngày 31 tháng 12 năm 2013 gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	176,000,000	-	-	176,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	18,048,405,204	588,559,649	-	18,636,964,853
Chi phí phải trả	12,970,763,438			
	<b>31,195,168,642</b>	<b>588,559,649</b>	-	<b>18,812,964,853</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	176,000,000	-	-	176,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	15,286,344,729	378,801,059	-	15,665,145,788
Chi phí phải trả	13,225,729,029	-	-	13,225,729,029
	<b>28,688,073,758</b>	<b>378,801,059</b>	-	<b>29,066,874,817</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Thực hiện công tác kiểm tra xem xét việc chấp hành pháp luật trong quản lý tài chính, các bộ phận của Công ty và cơ quan chức năng đang kiểm tra xem xét chứng từ kế toán, trực tiếp cùng làm việc với một số cá nhân có liên quan đến các khoản tiền và vật tư của Công ty không được hoàn ứng, quyết toán trong nhiều niên độ tài chính.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32 . THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	57,000,000	111,300,000
Tiền lương của Ban Giám đốc	737,256,157	753,924,608



### 33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động xây lắp	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
<b>1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>	<b>73.503.744.121</b>	<b>3.849.386.850</b>	<b>5.656.897.010</b>	<b>83.010.027.981</b>
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				-
3. Giá vốn	68.532.522.883	3.592.714.918	4.335.950.437	76.461.188.238
<b>4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>4.971.221.238</b>	<b>256.671.932</b>	<b>1.320.946.573</b>	<b>6.548.839.743</b>
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-
6. Tài sản bộ phận	77.146.145.512	404.437.000	19.752.120.854	97.302.703.366
7. Tài sản không phân bổ				139.455.744.598
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>77.146.145.512</b>	<b>404.437.000</b>	<b>19.752.120.854</b>	<b>236.758.447.964</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	39.475.733.036	225.923.115	-	39.701.656.151
9. Nợ phải trả không phân bổ	42.250.222.753	-	-	42.250.222.753
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>81.725.955.789</b>	<b>225.923.115</b>	<b>-</b>	<b>81.951.878.904</b>

**Theo khu vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong khu vực phía Bắc, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 34 . THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

### 35 . THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC), nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Người lập



**Đổng Thị Hằng**

Kế toán trưởng



**Trần Thị Thu Nhận**

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



**Đình Tiên Vịnh**

Phụ lục: Tổng hợp tình hình công nợ

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Mã số	Tài khoản	Số tiền 31.12.2013
<b>1</b>	<b>Phải thu khách hàng (1)</b>	<b>131</b>	<b>Dư nợ 131</b>	<b>68.490.993.755</b>
	Người mua ứng trước tiền (2)	313	Dư có 131	3.306.759.920
	Phải thu của chủ đầu tư (3=1-2)			65.184.233.835
1.1	Phân tích tuổi nợ			
-	Nợ dưới 6 tháng			40.073.735.874
-	Nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm			17.442.475.210
-	Nợ từ 1 năm đến dưới 2 năm			3.327.204.376
-	Nợ từ 2 năm đến dưới 3 năm			941.994.881
-	Nợ từ 3 năm trở lên			6.705.583.414
1.2	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra			
-	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra			3.211.923.916
1.3	Biên bản đối chiếu công nợ			
-	Số liệu của công ty đang theo dõi trên sổ sách kế toán			3.153.454.944
-	Số liệu được đối tượng nợ xác nhận			2.950.047.113
<b>2</b>	<b>Trả trước tiền cho nhà cung cấp</b>	<b>132</b>	<b>Dư nợ 331</b>	<b>4.754.615.480</b>
2.1	Phân tích tuổi nợ			4.754.615.480
-	Nợ dưới 6 tháng			3.354.109.550
-	Nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm			65.697.765
-	Nợ từ 1 năm đến dưới 2 năm			-
-	Nợ từ 2 năm đến dưới 3 năm			28.014.136
-	Nợ từ 3 năm trở lên			1.306.794.029
2.2	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra			
-	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra			1.268.403.924
2.3	Biên bản đối chiếu công nợ			
-	Số liệu của công ty đang theo dõi trên sổ sách kế toán			66.995.000
-	Số liệu được đối tượng nợ xác nhận			66.995.000
<b>3</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>158</b>	<b>Dư nợ 141</b>	<b>1.371.922.026</b>
3.1	Phân tích tuổi nợ			
-	Nợ dưới 6 tháng			563.000.000
-	Nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm			-
-	Nợ từ 1 năm đến dưới 2 năm			-
-	Nợ từ 2 năm đến dưới 3 năm			152.208.231
-	Nợ từ 3 năm trở lên			656.713.795
3.2	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra			
-	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra			565.330.057
3.3	Biên bản đối chiếu công nợ			
-	Số liệu của công ty đang theo dõi trên sổ sách kế toán			738.062.547
-	Số liệu được đối tượng nợ xác nhận			238.062.547
<b>4</b>	<b>Các khoản phải thu khác (1)</b>	<b>135</b>	<b>Dư nợ</b> <b>3382,3383,3384,3385,3389,138</b>	<b>85.254.157.397</b>
	<b>Các khoản phải trả phải nộp khác (2)</b>	<b>319</b>	<b>Dư có</b> <b>3382,3383,3384,3385,3389,138</b>	<b>6.498.779.736</b>
	Công nợ các khoản thu phải trả toàn công ty (3=1-2)			78.755.377.661
4.1	Phân tích tuổi nợ			
-	Nợ dưới 6 tháng			18.875.916.954
-	Nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm			7.442.751.000
-	Nợ từ 1 năm đến dưới 2 năm			11.668.703.850
-	Nợ từ 2 năm đến dưới 3 năm			8.006.032.169
-	Nợ từ 3 năm trở lên			39.260.753.424
4.2	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra			
-	Ước tính số nợ khó đòi có thể xảy ra theo tình trạng công trình đang thi công			47.565.196.022

STT	Nội dung	Mã số	Tài khoản	Số tiền 31.12.2013
4.3	Số tiền đơn vị đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2012			6.718.028.973
4.4	Biên bản đối chiếu công nợ			
-	Số liệu của công ty đang theo dõi trên sổ sách kế toán			10.000.872.146
-	Số liệu được đối tượng nợ xác nhận			10.500.872.146
<b>5</b>	<b>Chi phí phải trả</b>	<b>316</b>	<b>Dư có TK 3354, 3355</b>	<b>12.970.763.438</b>
	Trong đó:			
-	Các công trình đã nghiệm thu bàn giao xong cho chủ đầu tư, chủ đầu tư đã xác nhận quyết toán, thanh lý xong, chưa tất toán hết chi phí trích trước:			6.873.479.591
	Trích trước CP vật tư			4.476.240.457
	Trích trước CPC			2.397.239.134
-	Các công trình đang tiếp tục thi công			6.097.283.847
	Trích trước CP vật tư			2.880.321.121
	Trích trước CPC			3.216.962.726
<b>6</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>315</b>	<b>Dư nợ 334</b>	<b>10.313.260.747</b>
			<b>Dư có 334</b>	<b>54.414.894.401</b>
			<b>Bù trừ</b>	<b>44.101.633.654</b>
6.1	Chi phí tiền lương			2.717.920.681
6.1.1	Số tiền lương chi quá			556.597.962
6.1.2	Số tiền lương chưa chi năm 2013			3.274.518.643
6.2	Chi phí các công trình dở dang			
6.2.1	Số tiền nhân công đang tạm ứng cho đơn vị thi công nhưng công trình chưa hoàn thành, chưa có doanh thu			762.953.523
6.2.2	Số tiền nhân công còn phải trả đơn vị thi công so với nhân công đã hạch toán doanh thu			24.241.008.830
6.3	Chi phí nhân công các công trình đã thanh lý			
6.3.1.	Số tiền nhân công đã thanh toán quá khối lượng được chủ đầu tư phê duyệt QT			9.550.307.224
6.3.2	Số tiền nhân công còn phải trả đơn vị thi công so với nhân công đã được chủ đầu tư phê duyệt QT			27.455.964.890
<b>7</b>	<b>Chi phí SXKD dở dang</b>	<b>141</b>	<b>Dư nợ TK 152, 153, 154, 156</b>	<b>7.306.620.750</b>
7.1	Phân tích tuổi nợ:			
-	Nợ dưới 6 tháng			3.266.402.348
-	Nợ từ 6th đến dưới 1 năm			615.008.652
-	Nợ từ 1 năm đến dưới 2 năm			438.655.040
-	Nợ từ 2 năm đến dưới 3 năm			215.628.055
-	Nợ từ 3 năm trở lên			2.770.926.655
	Các công trình đã thanh lý nhưng vẫn còn chi phí			1.936.706.119
<b>8</b>	<b>Số dư phòng phải thu nợ khó đòi dự kiến trích còn phải lập tính đến 31/12/2013 (1.2 + 2.2 + 3.2 + 4.2 - 4.3 - 5.1 - 6.3.2 + 6.3.1)</b>	<b>139</b>		<b>21.113.687.689</b>



Đinh Tiên Vịnh  
 Tổng Giám đốc  
 Lập ngày 18 tháng 03 năm 2014

Trần Thị Thu Nhận  
 Kế toán trưởng

